

B.N.

QUỐC - BẢO



VẤN - ĐỀ VIỆT - NGỮ'

THỐNG - NHẤT VIỆT - NGỮ
và
TINH - NGHĨA VIỆT - NGỮ



QUẢNG - VẠN - THÀNH

16, phố Bà Triệu (Lê-Lợi cũ)

H À N Ò I

1951

16° Indoch.

Pica 1358

1871
1872

QUỐC - BẢO

VẤN - ĐỀ
VIỆT - NGỮ'

THỐNG - NHẤT VIỆT - NGỮ

và

TINH - NGHĨA VIỆT - NGỮ

IN LẦN THỨ NHẤT

QUẢNG - VẠN - THÀNH

16, phố Bà Triệu (Lê-Lợi cũ)

H À N Ộ I

1951

Những sách đã xuất-bản của nhà
QUẢNG-VẠN-THÀNH

TRANH QUỐC-SỬ

*của Nguyễn Văn-Minh
và Tạ-đình-Ninh*

Quyển “Đời Hùng”	in năm 1928	hết
— “Thuộc Thục”	— 1929	—
— “Thuộc Triệu” cuốn I	— —	—

VĂN-LIỆU TỪ-ĐIỂN

của Long-điền Nguyễn Văn-Minh
in năm 1942 —
(sắp tái-bản)

ĐỜI ĐẠO-ĐỨC *của Hải-Tùng*

in năm 1943 —

VIỆT-NGŨ TINH-NGHĨA TỪ-ĐIỂN

của Long-điền Nguyễn Văn-Minh

Một công-trình tinh-nghĩa đầu tiên ở nước ta, định nghĩa rõ-ràng những tiếng mà thường cho là đồng nghĩa, như: “mồm, miệng”, “lắm, nhiều”, “đến, tới”, “tỷ-dụ, ví-dụ, thí-dụ”, v. v., kèm nhiều tỷ-dụ trích ở các danh-văn cổ kim.

Giá ở Bắc-Việt : 24 đồng
các nơi : 27 —

LỜI NHÀ XUẤT - BẢN

Từ ngày 4 tháng 6 năm 1949, theo pháp-lý quốc-tế, nước Việt-Nam ta hoàn-toàn thống-nhất, vì Quốc-hội Pháp đã chuẩn-phê nhìn-nhận Nam kỳ là lãnh-thò Việt-Nam, không còn là thuộc-địa của Pháp nữa.

Lãnh-thò đã thống-nhất như thế, không có lẽ gì còn đề ngôn - ngữ văn-tự không được thống-nhất. Chúng tôi, đã lâu, vẫn có hoài-bảo gây phong-trào thống-nhất văn-tự ngôn-ngữ, mới đây được đọc những bài luận-thuyết về Việt-ngữ của ông Quốc-Bảo, có đăng trên báo Tia Sáng ở Hà-nội và Tiếng Việt ở Nam-vang, hợp với ý-kiến của chúng tôi, nên chúng tôi có nhờ ông Quốc-Bảo sửa chữa lại, cho in thành tập để cống-hiến quốc-dân với ý-niệm :

THỐNG-NHẤT VIỆT-NGỮ

và TINH-NGHĨA VIỆT-NGỮ.

Hà-nội, ngày 10 tháng 5 năm 1954
QUẢNG-VẠN-THÀNH

LỜI NHẢ XUẤT BẢN

Trên nguyên 4 tháng 6 năm 1949, theo quyết định
của Hội đồng Chính phủ Việt Nam, toàn thể thành phần
của Đảng Cộng sản Việt Nam được chuyển đổi thành
Đảng Lao động Việt Nam, không còn là Đảng Cộng sản
Việt Nam.

Để phù hợp với sự thay đổi này, Đảng Lao động Việt Nam
đã quyết định sửa đổi nội dung Điều lệ Đảng. Điều lệ
Đảng Lao động Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết
định số 100/CT-TT của Bộ Chính trị, ngày 15 tháng 10
năm 1950. Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam có hiệu lực
từ ngày 15 tháng 10 năm 1950. Điều lệ Đảng Lao động Việt
Nam là cơ sở pháp lý để Đảng Lao động Việt Nam
thực hiện nhiệm vụ của mình.

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CỘNG HÒA VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 1951
ĐANG VĂN THÂN

VẤN - ĐỀ VIỆT - NGỮ

*Quý thay văn-tự nước nhà,
Thực là quốc-túy, thực là quốc-lưu,
Ra công ma-luyện kéo mà
Để cho cùn sét, lỗi đà tại ai !*

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

*(Cảm đề tập văn dịch Đường thi
của Ô. Lê-Thần Trần-trọng-Kim*

I

MUỐN THỐNG-NHẤT VIỆT-NGỮ PHẢI TINH-NGHĨA VIỆT-NGỮ

Báo *Tia Sáng* ra ngày mồng 8 và 9 tháng 9 năm 1950, có đăng bài của ông Quang-Huy nói đến vấn-đề thành-lập Hàn-lâm-viện Việt-Nam để chấn-chỉnh ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam, dặng đi đến chỗ thống-nhất Việt-ngữ. Ông Quang-Huy lại thống-thiết nhấn mạnh : «*Ta phải công-nhận rằng có thống-nhất ngôn-ngữ thì mới giữ vững được nền thống-nhất lãnh-thở.*»

Trong lúc :

Nghe chuyện năm châu đã chán phê,

Cao-Ly chưa ổn, Đứt lăm-le...

thiên-hạ ai cũng nôm-nớp có chiến-tranh thứ ba, đến nỗi một người dân Anh đã cùng vợ con tự-tử để lánh trước ; riêng ở nước ta, ai cũng dăm dăm về tranh-thủ độc-lập thực-sự, thống-nhất hoàn-toàn, mà đem vấn-đề văn-học ra bàn, thực cũng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Song, xét kỹ, nếu kèn trống khéo biết lựa nhịp, chắc sẽ tạo nên một bản nhạc hùng-tráng. Nhân thế, muốn đề cho

bạn đọc quên trong chốc-lát cái cảnh “nồi da nấu thịt” và “huynh đệ tương tàn”, nên tôi cũng tục điếu, tục biết là đánh trống qua cửa nhà Sấm; vả lại, vấn-đề thống-nhất ngôn-ngữ là vấn-đề căn-bản thiết-yếu của một quốc-gia, nên tôi cũng không nề ý-kiến hẹp-hòi — có ý vụng đần thúng giữa đường — bàn rộng vấn-đề này, không ngoài mục-dịch phụng-sự văn-tự ngôn-ngữ Tổ-quốc.

Ngôn-ngữ văn-tự là vật báu của một dân-tộc.

Ngôn-ngữ văn-tự có ảnh-hưởng rất lớn và có quan-hệ mật-thiết đến cuộc hưng vong, tồn diệt của giống nòi, cho nên những dân-tộc tiên-tiến, càng văn-minh, họ càng chú-trọng đến văn-tự ngôn-ngữ.

Nói ngay những dân-tộc gần ta nhất: Nhật-Bản, Trung-Hoa, Pháp.

Ta nhận thấy dân-tộc Nhật-Bản, ngoài sự trau-giồi tìm biết về khoa-học để theo kịp những dân-tộc văn-minh Âu-Mỹ, họ còn chú-trọng đến văn-tự của họ. Tuy họ cũng cùng chịu ảnh-hưởng Hán-học như dân-tộc ta, nhưng họ không chịu theo triệt-đề; họ nhân Hán-học tạo ra một thứ văn-tự riêng, rồi sau họ lại biết La-Mã-hoá văn-tự của họ cho dễ phổ-thông.

Dân-tộc Trung-Hoa có một nền cổ-học phong-phú; họ cảm thấy Hán-tự khó học, khó nhớ, thành ra khó truyền-bá, nên mới đây, thấy nói họ đang nghiên-cứu La-Mã-hoá văn-tự của họ.

Đến dân-tộc Pháp, trước cũng bị lệ-thuộc văn-tự Hy-Lạp, La-Mã, không khác gì dân-tộc ta bị lệ-thuộc Hán-học; nhưng sau họ biết tìm cách thoát-ly văn-tự ngoại-chủng, mà chú-ý trau-giồi ngôn-ngữ văn-tự của họ. Xưa, họ cũng ưa chuộng văn-tự Hy-Lạp, La-Mã và khinh bỏ tiếng mẹ đẻ cũng như dân-tộc ta hiện giờ. Mãi sau, vào khoảng thế-kỷ XIV-XV, có một nhóm người trông xa nghĩ sâu, tự biết văn-tự là lợi-khi của học-thuật, nên cùng nhau cố-gắng gây phong-trào dùng tiếng Pháp thay thế cho tiếng

Hy-Lạp, La-Mã. Từ đây, người Pháp hết sức trau-giồi tiếng Pháp, một cách tế-nhị, tinh-vi, đến nỗi ngày nay thế-giới đều công-nhận là một thứ tiếng minh-bạch, khúc-chiết, dùng vào các văn-kiện quốc-tế.

Các nước văn-minh Âu-Mỹ chú-trọng đến ngôn-ngữ văn-tự một cách cẩn-thận và tỉ-mỉ như: tháng giêng năm 1946, nước Ba-Tây (Brésil) ở Nam-Mỹ và nước Bồ-Đào-Nha ở Âu-Châu cử-hành một lễ rất long-trọng để thống-nhất chính-tả, vì nước Ba-Tây là thuộc-địa của người Bồ-Đào-Nha từ thế-kỷ thứ XVI, đến năm 1822 được tự-trị, nhưng vẫn dùng văn-tự Bồ-Đào-Nha; vì thế chính-tả hai nơi chưa được duy-nhất, có chữ viết sai đọc khác, nên năm 1946 điển-chế cho được nhất-trí.

Lại mới đây, ở Hội-đồng Bảo-an ngày 19-8-1950, đại-biểu Nga đòi dùng tiếng "TAIWAN" để chỉ Đài-loan, mà đại-biểu Mỹ đòi dùng tiếng "FORMOSE" (theo báo *Tia Sáng* ngày 31-8-50). Đến những hiệp-ước của ta ký với Pháp cận lai, hai bên cũng rất thận-trọng đến sự dụng-tự, cân-nhắc từng tiếng, đo-đắn từng lời, từng chữ, chứ không cầu-thả, vì mỗi tiếng có một nghĩa riêng, dùng sai, có khi xuyên-tạc cả lời và ý.

Văn-tự can-hệ đến vận-mệnh một dân-tộc là thế, ảnh-hưởng đến sự hưng vong của một quốc-gia là vậy, thế mà dân-tộc ta, mang danh là một nước văn-hiến hơn hai nghìn năm, văn-tự ngôn-ngữ thực chưa có tí gì là tổ-chức, là qui-cử, vẫn quanh-quần lệ-thuộc người: hết học chữ Hán, lại học chữ Pháp; người Việt, mà ít muốn học chữ Việt, ít muốn biết chữ Việt. Từ xưa đến nay, chưa có một người Việt thông-thái, bác-học, trí-thức, khoa-bảng nào chỉ biết tiếng Việt, chữ Việt, như các danh-nhân trên thế-giới. Thí như ông Khổng-tử, người Trung-Hoa, chỉ biết tiếng và chữ Trung-Hoa, mà nổi danh là "Vạn thế chi sư" ở cõi Đông-Á; ông Thích-ca mâu-ni, người Ấn-Độ, cũng chỉ biết tiếng và chữ Ấn-Độ, mà ngày nay có đến hơn 500 triệu người sùng-bái; đến ngay Hitler, gần

đây, cũng chỉ biết tiếng mẹ đẻ, không biết một thứ ngoại-ngữ nào, mà cũng đã làm cho vạn quốc xao-xuyến. Các danh-nhân cổ kim trên hoàn-hải, phát-kiến chủ-nghĩa này, lý-thuyết nọ, đều nói, viết bằng tiếng mẹ đẻ cả; có sao dân-tộc ta lại hờ-hững, lại lãnh-đạm với tiếng nước ta, cho là nôm-na mách-qué, không chịu để ý trau-giồi, tô-điêm, đến nỗi, ngoài thế-giới không ai biết đến Việt-văn, mà trong nước cũng không hề có trường nào toàn dạy Việt-văn cả; hoá chẳng chỉ có trường Tri-Đức học-xá ngày trước ở Hà-tiên — nhưng ít lâu cũng không tồn-tại được — là một trường độc-nhất dạy toàn Việt-văn ở trên đất Việt.

Xem tình-hình như thế, thì biết Việt-văn bị người Việt khinh-đẽ là nhường nào! Một môn học đã bị gạt, bỏ, coi thường, trách chi chẳng lộn-xộn. Đã lộn-xộn là không có tổ-chức, thì thống-nhất sao được?

Thực vậy. Ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam ta quả là lộn-xộn. Ngoài những tiếng lái, tiếng lóng, tiếng địa-phương, còn biết bao nhiêu tiếng thường dùng một cách không nhất-tri, tùy mỗi người hiểu rồi dùng theo ý riêng của mình, hay tùy giọng nói riêng của địa-phương mình, chẳng có qui-cử gì hết, chẳng có phương-pháp gì hết, nên:

người thì nói, viết :	<i>bức thư</i>	người thì nói, viết :	<i>bức thơ</i>
—	<i>gửi thư</i>	—	<i>gửi thư</i>
—	<i>tôi thật</i>	—	<i>tôi thiệt</i>
			hay
—	<i>bệnh sốt</i>	—	<i>bịnh sốt</i>
—	<i>chân trời</i>	—	<i>chun giới</i>
—	<i>đến thăm</i>	—	<i>lời thăm</i>
—	<i>tỷ - dụ</i>	—	<i>thi - dụ,</i>
			<i>ví - dụ</i>

Sự lộn-xộn đó làm cho câu văn tối nghĩa, và có khi làm cho ý văn sai, nhất là trong lúc này, tiếng Việt-Nam, ngoài thì được thế-giới chú-ý, trong thì chính-phủ đã đề

tâm săn-sóc, nên các nhà học-giả và các vị giáo-sư thường bị lúng-túng, có khi bối-rối trước những câu hỏi có tinh-cách khoa-học của những quan-khách ngoại-quốc muốn khảo-cứu tiếng Việt-Nam và những học-sinh hiếu học.

Tôi đã biết một người ngoại-quốc, học tiếng ta, hỏi ông thầy dạy: « **Mồm** ở đâu?, **Miệng** ở đâu? ¹ — **Nhanh, mau, chóng** ² khác nhau thế nào? — Lúc nào dùng chữ **đến**? Lúc nào dùng chữ **tới**? ³ — **Lúc** và **Khi** ⁴ phân-biệt nhau ra sao? »

Chính tôi đã bị học-trò dồn hỏi câu trong *Chinh-Phụ*: « Tiếng nhạc ngựa lần **xen** tiếng trống, hay tiếng nhạc ngựa lần **chen** tiếng trống? **Xen** phải hay **Chen** phải? »

Lại như những tiếng “ **bầu bạn** ”: **Bầu** là gì? **Bạn** là gì? ⁵ — **Chợ búa**: **Chợ** là gì? **Búa** là gì? — **Sợ hãi**: **Sợ** là gì? **Hãi** là gì? — Như chữ “ **Gia** ” và “ **Giả** ”; sao lại **văn-gia**, **thi-gia**, **kinh-tế-gia**, mà sao lại **độc-giả**, **soạn-giả**, **thính-giả**? — Thế nào là **Chờ**? Thế nào là **Đợi**?

Tôi thường thăm-vấn nhiều nhà có tiếng giỏi Việt-văn và Hán-văn, đều được những câu trả lời hồ-đồ và có khi cho là điệp-tự cả.

Phải nói đâu xa, ngay trong những từ-điển mà hiện giờ được sùng-thượng cũng không cắt nghĩa rõ được thế nào là “ **áp-chế** ”, thế nào là “ **ức-chế** ”, thế nào là “ **giải nghĩa** ”, thế nào là “ **giảng nghĩa** ”...

« Tình-trạng lộn-xộn này, nếu kéo dài ra nữa thì thực là rất tổn-thương cho phong-thể nước nhà. » Đó là lời một ông bạn xa, nhà văn kiêm nhà giáo bình-phẩm tình-hình hiện-dại Việt-văn.

Thực vậy, Nhất là hiện nay hai chữ “ **VIỆT-NAM** ” đã có địa-vị trên trường quốc-tế, nước Việt-Nam đã được nhiều nước trên thế-giới công-nhận, tiếng Việt-Nam đã

1, 2, 3, 4, 5. — Xin xem *Việt-Ngữ Tinh-Nghĩa từ-điển* của Long-điền NGUYỄN VĂN-MINH soạn, Quảng-Vạn-Thành Hà-nội xuất-bản.

được các nước trên hoàn-hải biết đến, — ngày 13-8-50, đài Vô-tuyến-điện Mỹ đã phát thanh bằng tiếng Việt-Nam, — vậy ta nên phải làm làm sao cho tiếng Việt-Nam xứng-dáng là một thứ tiếng của một nước văn-hiến hơn hai nghìn năm ở cõi Á-Đông này, chứ không thể cứ để lộn-xộn như bây giờ: Bắc-phần viết “**được**”, Nam-phần viết “**đặng**”; Bắc-Việt viết “**hoàng**”, Trung-Việt viết “**huỳnh**”, mãi được.

Ta cần phải bỏ-khuyết những tình-trạng ấy, để đi đến chỗ thống-nhất văn-tự ngôn-ngữ.

Muốn thống-nhất văn-tự ngôn-ngữ thì việc cần nhất bây giờ là :

I.— Phải THỐNG-NHẤT CHÍNH-TẢ. Vấn-đề này đã nhiều người đề-cập và cũng đã có ít sách nói tới, nhưng Chính-phủ cần phải điển-chế cho có qui-củ thì mới được nhất-tri.

II.— Phải TINH-NGHĨA VIỆT-NGŨ. Vấn-đề này, xưa nay chưa mấy ai bàn tới; hoạ chăng có một vài học-giả nói đến một vài chữ rồi lại bỏ đấy, như ngày trước cụ Huỳnh-thúc-Kháng với ông Phan Khôi thảo-luận về chữ “**các**” và “**những**”; cụ Nguyễn-văn-Tổ với báo *Thanh-Niên* trong Nam, về chữ “**thà**” và “**chẳng thà**”; năm 1944 có ông Long-diễn đề-cập đến vấn-đề này trong Tạp-chí *Tri-Tân* số 136 ngày 30-3-44, và ông Dương Kỳ, trong số 138 ngày 13-4-44.

Sự tinh-nghĩa rất phức-tạp. Tinh-nghĩa, cần phải tinh-nghĩa từng tiếng tức là phải tìm cho mỗi tiếng một nghĩa riêng-biệt, nghĩa chính của nó, hay màu vẽ riêng (nuance) của nó, không chịu để một tiếng nào thực đồng nghĩa (littéralement synonyme), mà những tiếng đó, và nghĩa đó, suốt trong Nam ngoài Bắc, khắp trong nước, đâu đâu tiếng cũng phải dùng, nghĩa cũng phải hiểu như nhau; có thế, quốc-văn mới có qui-củ, mà có thế, mới thống-nhất được văn-tự ngôn-ngữ.

VẤN - ĐỀ VIỆT - NGỮ

II

CHÍNH-TẢ VÀ TINH-NGHĨA LÀ HAI VIỆC CẦN

Ai là người Việt-Nam mà chẳng nhớ đạo-luật số 49.733 ngày 4-6-49. Quốc-hội Pháp chuẩn-phê nhìn-nhận Nam-kỳ là lãnh-thổ của nước Việt-Nam, không còn là thuộc-địa của Pháp nữa.

Thế là rõ-ràng trước pháp-lý quốc-tế, nước Việt-Nam đã thống-nhất lãnh-thổ, như trước năm nhâm-tuất (1862); lại có lẽ hơn nữa, là hồi ấy hai tiếng Việt-Nam, thế-giới không ai biết đến, chứ ngày nay, khác hẳn, hoàn-cầu biết tiếng, quốc-tế thuộc tên, có lúc Việt-Nam lại làm cho các danh-nhân thế-giới thắc-mắc, hồi-hộp, nghi-ngợi, băn-khoăn nữa.

Lãnh-thổ đã thống-nhất như thế, không có lẽ gì còn đề ngôn-ngữ văn-tự không được thống-nhất, và không có lẽ gì cứ để yên cái tình-trạng lộn-xộn như ngày nay mãi được.

Tôi đã nói muốn *thống-nhất văn-tự ngôn-ngữ*, việc cần nhất là: THỐNG-NHẤT CHÍNH-TẢ và TINH-NGHĨA VIỆT-NGỮ.

Vậy nay xin bàn đến vấn-đề CHÍNH-TẢ,

Trước khi vào đề, tôi xin thành-thực có mấy lời thanh-minh cùng các nhà văn, nhà báo :

Trong những bài dưới đây nói về THỐNG-NHẤT VIỆT-NGŨ này, tôi phải đem những câu văn của các ngài ra để dẫn chứng, đặt minh-biện ; đó là một thiện-chí hoàn-toàn về phương-diện khảo-cứu, chứ không phải có ý chỉ-trích gì, vậy xin các ngài cho phép và lượng-thứ.

I. — THỐNG-NHẤT CHÍNH-TẢ

Chính-tả là viết cho đúng ; đúng chữ nào nghĩa ấy, đúng tiếng nào chữ ấy, không được sai hình-thức.

Kể hình-thức chữ quốc-ngữ thì từ thế-kỷ XVI đến giờ, hơn 300 năm, đã trải lắm phen thay đổi. Từ khởi-thủy đến cuối thế-kỷ XIX, không biết có mấy lần sửa-đổi, tôi chưa tham-khảo được, nhưng cứ từ đầu thế-kỷ XX đến nay đã có :

1. — năm 1902, Hội-nghị Khảo-cứu Viễn-Đông có lập ra một ban xét về việc sửa-đổi chữ “ quốc-ngữ ” ;
2. — năm 1906, Hội-đồng cải-lương Học-chính bản-xứ có lập ra một uỷ-ban cải-cách chữ “ quốc-ngữ ” ;
3. — năm 1928, có cuộc sửa-đổi chữ quốc-ngữ, do ông Nguyễn-văn-Vĩnh trên mặt báo *Trung-Bắc* ;
4. — Phỏng vào năm 1929-30, anh em ông Dương-bá-Trạc, Dương-quảng-Hàm, Dương-tự-Nguyên, cũng có đề-nghị sửa-đổi chữ quốc-ngữ. Hồi đó, mấy ông họ Dương có ra một quyển sách nhỏ, toàn dùng lối chữ mới của anh em ông soạn ra ;
5. — Cũng trong thời-gian ấy (1929-30), ông Vi-huyền-Đắc có ra một quyển *Việt-tự*, đề-nghị một lối chữ Việt cải-cách ;
6. — Đến năm 1945, Chính-phủ Dân-chủ thành-lập, có dùng mấy chữ để thay năm dấu : sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, và mấy chữ thay những chữ nguyên-âm : *Ă, Ắ, Ê, Ô, Ơ, U*, để tiện việc đánh điện-tin

cho rõ nghĩa ; và trong dân-gian, nhiều người tự dùng chữ *F* thay chữ *PH* và chữ *DZ* thay chữ *D*.

- 7— Năm 1948, ông Nguyễn-văn-Thọ có xuất-bản một quyển *Cải-cách Việt-tự*, sách do nhà Thế-giới, Hà-nội phát-hành ;
- 8— Năm 1949, ông Lâm-võ-Dụ có soạn quyển *Việt-tự canh-tán*, do Nam - cường, Sài-gòn xuất-bản ;
- 9— Cùng năm ấy (1949), ông Trần-văn-Được và ông Huỳnh-văn-Xôi cũng xuất-bản quyển *Văn Việt-ngữ cải-cách*, do nhà in Henry ở Pnom-penh in ;
- 10— Năm 1950, ông Nguyễn Bạt-Tuy, một nhà chuyên-khảo về từ-ngữ soạn một quyển *Cũ và Văn Việt-Khwa-Họk* bàn việc cải-cách chữ Việt theo khoa-học.

Văn-tự cũng có đời sống như muôn vạn sự vật ở trên thế-gian ; có lúc phôi-thai, có ngày xuất-thế, có tuần thiếu-tráng, có khi lão-đại, nên mỗi thời-kỳ, hình-thức lại có đổi theo trình-độ văn-minh. Hình-thức có ảnh-hưởng đến tinh-thần, mà tinh-thần cũng có quan-hệ đến hình-thức.

Hình-thức là “ *chính-tả*”, tinh-thần là “ *tinh-nghĩa*”.

Nhận kỹ ra, sự chính-tả Việt-ngữ mới phát-khởi độ 30 năm gần đây. Tôi còn nhớ, trước thời *Nam-phong*, sự chính-tả chưa ai đề-cập tới, mà việc chính-tả chưa ai mó tay vào.

Trong một thời-gian hơn nửa thế-kỷ, sự chính-tả Việt-ngữ, tuy Chính-phủ cũng có đề ý, nhưng đề ý một cách sơ-sài, lãnh-đạm nên xem ra không được chu-đáo, vì Chính-phủ chưa bao giờ đặt hẳn ra một qui-chế để nhân-dân theo ; thành ra đến nay, các nhà cầm bút — văn-giới và giáo-giới — cũng vẫn tùy theo ý riêng của mình, tùy theo tâm sức tra-cứu riêng của mình, dùng lộn-xộn không nhất-tri. Trong các sách và trên các báo, ta nhận thấy còn nhiều lỗi chính-tả. Những lỗi ấy, lại chính là các nhà mô-

phạm và các nhà văn, nhà báo mắc phải. Tôi xin thú thực rằng việc chỉnh-tả tưởng là dễ, mà rất khó — nhất là những nhà văn có tuổi, học theo lối cổ, ít chú-ý đến chỉnh-tả — nên bây giờ, viết văn hay phạm lỗi. Lại một cơ nữa rất giản-dị đã gây ra những lỗi chỉnh-tả mà ta thường thấy trong các sách và trên các báo, là vì Việt-văn dễ đọc, dễ hiểu, nên tất cả người Việt-Nam có thể làm Việt-văn được cả; tại thế, cũng có khi, các vị ấn-công (cũng là nhà văn Việt-Nam) không hỏi, không tra, trông trong bản-cảo, thấy chữ của tác-giả viết không rõ, hoặc rõ mà không hiểu nghĩa, hoặc tác-giả viết sai chỉnh-tả, mà đọc nhầm ra chữ khác, cứ tự-tiện đoán, đoán rồi chữa, xếp theo ý mình.

Vậy nay, xin viện chứng mấy tỷ-dụ để cống-hiến độc-giả :

A.— VỀ NHỮNG CHỮ

TR - CH, X - S, D - GI

Tỷ-dụ 1.— Chính tôi, kẻ viết bài này, là một nạn-nhân cơ đò; chính ngay trên tờ báo *Tia Sáng* và chính ngay bài “*THỐNG-NHẤT VIỆT-NGŨ PHẢI TINH-NGHĨA VIỆT-NGŨ*” trên đây, tôi đã phạm vào lỗi ấy; nên nhân tiện xin vừa lấy việc đó làm tỷ-dụ để đính-chính mấy tiếng đã viết nhầm, in lẫn, xin bạn đọc lượng cho.

Trong bài “*THỐNG-NHẤT VIỆT-NGŨ PHẢI TINH-NGHĨA VIỆT-NGŨ*” đăng trên báo *Tia Sáng* số 657 và 658 ra ngày 20 và 21 tháng 9 năm 1950, tất cả mấy tiếng **TRAO ĐỒI** xin đọc là **TRAU GIỎI**. Nguyên bản-cảo, hai tiếng **TRAU GIỎI** tôi nhầm chỉnh-tả viết là **TRAU DỒI**. Các vị ấn-công, một là không rõ nghĩa tiếng “**trau giỏi**”, hai là không trông rõ chữ “**D**”, nhận nhầm ra chữ “**Đ**”, thành đọc ra “**trau đỏi**” nên tự đoán là “**trao đỏi**”.

Tỷ-dụ 2.— Ông Đỗ-quang-Định viết “**khám sét**” (chỉnh là **khám xét**) trong câu: «Phạm những nội-giám ra vào, quan giữ cửa **khám sét** mà không chịu, thì phạt trượng

100.» (*Luật Annam 398 điều*, tr. 88.— Nhà in Bạch-thái-Bưởi, Hà-nội, 1911.)

Tỷ-dụ 3.— Ông Trần-trọng-Kim viết: “**bền trật**” (chính là **bền chặt**) trong câu: «Cho nên, dầu có lấy được giang-sơn của nhà Lê, dầu có mượn được thế nhà Minh bênh-vực mặc lòng một cơ-nghiệp dựng nên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế thì không bao giờ **bền trật** được.» (*Việt-Nam sử-lược*, quyển hạ, tr. 15. — Trung-Bắc, Hà-nội, 1929.)

Tỷ-dụ 4.— Ông Nghiêm Toản viết “**ăn sồi**” (chính là **ăn xồi**) trong câu: «Chỉ riêng sự phân-tích ý-niệm Tổ-quốc, nếu biết làm, đủ cung-cấp rất nhiều ý-kiến, phá đổ được lời nói trên kia là lời nói của con người **ăn sồi** ở thì, khu khu trong vòng vật-chất thấp hẹp.» (*Luận văn thị phạm*, tr. 19. — Nhà xuất-bản Thế-giới, Hà-nội, 1950.)

B.— VỀ NHỮNG CHỮ

Â VÀ A

Chính-tả không chỉ có những chữ *TR-CH*, *D-GI*, *X-S* mà thôi. Xem như hiện giờ các học-giả không đề tâm đến nhiều lỗi khác nữa; thường thấy nhiều người hay nhầm chữ *Á* và *A* trong những tiếng: *đầy-tớ*, *xây*, *thầy*, *chảy*, *rầy*, *giàu*.

Tỷ-dụ 1.— Ông Trần-trọng-Kim viết “**đầy-tớ**” (chính là **đầy tớ**) trong câu: «Bạch-xuân-Nguyên, vốn là người tham-lam, tàn-ác, khi đến làm bố-chính ở Phan-an nói rằng phụng mật-chỉ truy xét việc riêng của ông Lê-văn-Duyệt rồi đòi hỏi chứng-cớ, trị tội bọn **đầy tớ** của ông Duyệt ngày trước.» (*Việt-Nam sử-lược*, quyển hạ, tr. 186.— Trung-Bắc, Hà-nội, 1929)

Việt-Nam tự-diễn chưa **ĐẦY TỚ**, tr. 170.

Tỷ-dụ 2.— Ông Hoàng-xuân-Hãn viết “**xây**” trong câu: «Những việc **xây** ra ở biên-thuỳ Tống Lý rất lớn, nên các danh-gia đời Tống từng đã nói đến trong các

ký-tải của họ.» (*Lý-thường-Kiệt*, tr. 21.— Sông Nhị, Hà-nội, 1949.)

Việt-Nam tự-điền chua **XẤY**, tr. 649.

Tỷ-dụ 3.— Ông Nghiêm Toàn viết “**trôi-chầy**” trong câu: «Tôi biết các bạn trông đợi những gì, các bạn muốn viết nổi một bài giảng **trôi-chầy**.» (*Luận văn thị phạm*, Tựa, tr. 1),

và viết “**thày**” trong câu: «Ông **thày** dạy giỏi đối với các bạn là ông **thày** giảng và soạn sách “**dùng tử**”.» (*nt*, tr. 111.)

Trong *Việt-Nam tự-điền* ghi: **CHẤY**, nghĩa là trôi đi, tuôn, tr. 112; và **THẦY**, là người dạy học, tr. 559.

Cũng trong quyển *Luận văn thị phạm*, trang 10, ông Nghiêm Toàn viết “**trình bày**” trong câu: «Vi-dụ đầu bài toán bảo ta áp-dụng một công-thức bằng số, ta lại đem lập công-thức bằng chữ ra **trình bày**, ta bị người chấm thi đánh hỏng, có dám oán-hận không?»

Trên tờ *Tia Sáng* số 659 ngày 22-9-50, mục “Tin Thế-Giới” câu: «Hội-dồng Công-an, đại-biểu Mỹ đã **trình bày** (chính là **trình bày**) một khẩu liên-thanh của Nga.»

Việt-Nam tự-điền chua **TRÌNH BÀY** là tỏ bày, tr. 603.

Tỷ-dụ 4.— Ông Đỗ-quang-Định, viết “**rẫy vợ**” trong điều-luật số 108 và “**giầu**” trong điều-luật 164. (*Luật An-nam 398 điều.*— Nhà in Bạch-thái-Bưởi, Hà-nội, 1929.)

Việt-Nam tự-điền chua: **RÁY** là từ bỏ, trang 465; và **GIÀU** là tiền nhiều, trái với nghèo, trang 217; còn **GIẤU** nghĩa như trầu, trang 219.

C.— **VỀ DẤU GẠCH NỔ**

Cái dấu gạch nối cũng là một phần quan-trọng trong một tiếng ghép. Chính-tả cũng cần phải chú-ý. Các nhà văn thường có hò-hào dùng gạch nối cho đúng, nhưng vì

thiếu tổ-chức nên vẫn lộn-xộn, mỗi người tùy ý riêng đưng, không có qui-củ gì cả.

Như những tiếng “**tư-tướng**”, “**văn-chương**”, “**chiến-tranh**”, trong quyển *Luận văn thị phạm*, ông Nghiêm Toàn viết có gạch nối, mà ông Hồ-hữu-Tường, trong quyển *Lịch-sử văn-chương Việt-Nam* thì không có gạch nối. Tôi nhận kỹ cả một quyển *Lịch-sử văn-chương Việt-Nam* của ông Hồ-hữu-Tường không có một tiếng ghép nào có gạch nối, trừ có một tiếng **Lê-Lợi** ở ngoài bìa có gạch nối. **Lê Lợi** là nhân-danh, họ Lê tên Lợi, nhiều nhà văn không viết có gạch nối. Lại trên tờ *Giang-sơn* số 153, ra ngày 22-9-50, trong bài “Nga yêu-cầu L. H. Q. cấm các nước không được dùng bom nguyên-tử”, những tiếng “chiến-tranh” đều không có gạch nối.

Có một nhóm nhà văn, muốn cho việc ấn-loát được tiện, lại cũng vừa có ý cải-cách chữ quốc-ngữ, chủ-trương bỏ gạch nối, viết những chữ ghép liền nhau, song những vị ấy, đã không nêu những qui-tắc của mình định cải-cách thế nào, lại tự mầu-thuần dùng không nhất-tri.

Ngay tập văn *Lừa Lừa* trang bìa mặt trên, in rõ hai tiếng “**GIAI PHẪM**” rời, mà trang bìa sau in hai tiếng “**GIAIPHẪM**” liền.

D.— VỀ CÁCH VIẾT NHỮNG TÊN RIÊNG

Thẻ-cách viết những tên riêng: tên đất, tên người cũng còn lộn-xộn. Người thì viết chữ hoa đầu, người thì viết cả hai chữ hoa.

Nói ngay tên nước ta “**VIỆT-NAM**”, ông Trần-trọng-Kim thì viết một chữ hoa đầu (*Việt-Nam văn-phạm*, in lần thứ ba.— Tân-Việt, Sài-gòn xuất-bản); ông Hoàng-xuân-Hãn lại viết cả hai chữ hoa (*Lý-thường-Kiệt*, tr. 17.— Sông Nhị xuất-bản, 1949.)

Tất cả những điểm tôi kể trên đây, và những tỷ-du tôi trình-bày ra đó chứng-tỏ rõ-ràng sự và việc chính-tả Việt-ngữ chưa có tổ-chức chu-đáo. Vậy nay, nhiệm-vụ của các nhà hữu-tâm với nền học-thuật nước nhà phải sưu-tầm tài-liệu, nghiên-cứu, khảo-cứu, kê-cứu, để tìm ra một nguyên-tắc hợp-lý, ngõ-hầu Chính-phủ qui-chế việc chính-tả, thì mới có thể thống-nhất được văn-tự.

Muốn khơi nguồn tư-tưởng và ý-niệm về vấn-đề này, tôi xin góp trước một vài ý-kiến thô-thiển, mục-dịch cũng chỉ mong muốn văn-tự ngôn-ngữ Việt-Nam sẽ chiếm được địa-vị ưu-thắng trên thế-giới.

*
*
*

ĐỀ-NGHỊ MẤY NGUYÊN-TẮC VỀ CHÍNH-TẢ

1.— VỀ NHỮNG CHỮ
TR, CH; — X, S;
— D, GI

Nên đặt một luật - định để rõ biết nghĩa — tức là thuộc phạm-vi tinh-nghĩa — cho mỗi tiếng, để tiện nhớ. Các sách nói về chính-tả, hiện nay, không chua rõ luật ấy, nên khó nhớ, và có lúc muốn tìm một chữ, nhưng trong sách không có chua, thành ra người tìm lúng-túng, không biết theo thế nào.

Thí-dụ như tiếng **chuyện** và **truyện**, nên giảng rõ ngay rằng những câu chuyện nói với nhau không ghi chép vào đầu cả, thì viết CH. Ví-dụ: Anh ấy nói **chuyện** giỏi.— Ông ấy thích nghe **chuyện** thời-sự. Đến như tiếng **truyện** là câu chuyện có ghi vào sách, vào giấy tờ truyền lại, như: **truyện** Kiều, **truyện** cổ-tích, **truyện** tiểu-lâm, **truyện** dã-sử.

2.— VỀ NHỮNG
CHỮ Á VÀ A

Mỗi tiếng cũng nên định rõ nghĩa, để giúp cho trí nhớ, như: **Thầy** là người dạy học; **Thày** là thày-lay, hót-lẻo.

Đến như tiếng **Tàu**, trong Việt-văn có nhiều nghĩa, mà trong quốc-ngữ có hai âm “**ÂU**” và “**AU**” mà sao không lợi-dụng cả hai âm đó, để định nghĩa cho mỗi tiếng, cứ khu khu dùng có một tiếng **Tàu**? *Việt-Nam tự-điền* không thấy ghi tiếng **TÀU**. Vậy nay, ta có thể định nghĩa :

TÀU, là tàu bè, tàu lá, nghĩa rộng là nước Tàu, người Tàu.

TÀU, là chuồng ngựa, màu vải lụa cũ đã xuống màu.

Định nghĩa như thế, cũng phải căn-cứ vào nguồn-gốc của tiếng đó. Như tiếng **TÀU**, chính nghĩa đen là loại-tự lá cây to : tàu lá chuối, tàu lá dừa ; nhân thể có nghĩa bóng là cái thuyền nhón, to đi ngoài biển hay sông to, vì cái thuyền trên mặt biển, trông không khác gì cái lá trên mặt nước. Nhân nghĩa bóng ấy lại dùng chỉ người Tàu, vì ngày xưa đường bộ, núi rừng ngăn-trở, không qua lại được tiện, nên hay dùng đường thủy ; chắc người Trung-Hoa đến Việt-Nam ta, thoát tiên là những người do đường thủy — tắt đi thuyền nhón, tức là tàu — nên ta mới gọi là người Tàu, nghĩa là những người ở dưới tàu đến.

Đến như **TÀU** là màu vải lụa bị nắng, hay để lâu xuống màu, trông vàng vàng ; nhân thể mà có nghĩa là *tàu ngựa*.

3.—VỀ GẠCH NỐI HAY VIẾT LIỀN NHỮNG TIẾNG GHÉP

Tiếng ghép nào cũng phải có gạch nối, hay viết liền tùy sự qui-định, nhưng phải định rõ một qui-tắc nhất-định thế nào là tiếng ghép, thế nào là tiếng đôi. Trong quốc-văn, có nhiều tiếng đi đôi mà không phải là tiếng ghép.

Theo thiên-ý của tôi, tiếng ghép là những tiếng có hai hay nhiều tiếng hợp lại mới thành nghĩa. Ví-dụ : lộn-xộn, nhá-nhem, ngưng-ngập, nhả-nhót, nhai-nhải, bắt-đắc-dĩ, gia.chi-dĩ, v. v.

Những tiếng : nhà-nước, nhà-cửa, nhà-cầu, nhà-quê, đều là tiếng ghép, nhận ngay được rằng phải có hai tiếng cùng đi với nhau mới thành nghĩa. Còn những tiếng : nhà tranh, nhà hàng, nhà tiêu, nhà táng, nhà mồ, thì dĩ nhiên, nhận ngay ra là không phải tiếng ghép.

Cũng theo luật trên, những tiếng ngoại-quốc nhập tịch Việt-Nam đều phải coi là tiếng ghép cả, viết phải có gạch nối như: sà-phòng, ten-nít, cà-phê, ô-tô, ân-nhân, ân-xá, tử-tế, v. v.

4. -- VỀ CÁCH VIẾT TÊN RIÊNG, TỨC LÀ NHỮNG ĐẠI-DANH-TỪ

Hoa-Kỳ, Anh-Cát-Lợi, Xiêm-La, Cao-Miên, Cao-Ly, v. v.

VỀ ĐỊA - DANH : Tên các nước, nên viết chữ hoa cả, để dễ phân-biệt, như : Việt-Nam, Nhật-Bản, Y-Pha-Nho, Cao-Miên, Cao-Ly, v. v.

Những khu-vực bé hơn nước, chữ đầu viết hoa, còn chữ dưới viết thường, như : Sài-gòn, Nam-định, Gia-định, Hà-tiên, Thượng-hải, Hồng-kông, Đài-loan...

VỀ NHÂN-DANH : Tên và họ, viết chữ hoa, không có gạch nối, như : Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Giáp Hải, Ngô Quyền, Trưng Chắc, Nguyễn Kim. . .

Nếu có tiếng đệm, thì tiếng đệm, viết chữ thường mà có gạch nối cả (theo tục hiện-hành), như : Nguyễn-văn-Tổ, Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, Nguyễn-hữu-Chỉnh...

Tên gồm hai tiếng, thì cả hai cùng viết chữ hoa, có gạch nối, còn họ thì không có, như : Lê Quý-Đôn, Ngô Sĩ-Liên, Mai Thúc-Loan, Phan Phu-Tiên, Mạc Đĩnh-Chi, v. v.

Tên hiệu, chữ đầu viết hoa, còn những chữ dưới viết thường, mà có gạch nối, như : Quang-trung, Hùng-vương Kinh-dương-vương, Lê-thái-tổ. . .

5. -- VỀ THỜI-KHẮC

Theo quốc-tế, ta cũng không nên cầu-thả về sự viết thời-khắc, nên viết rõ-ràng, thì thoát trông đã hiểu ngay ý-nghĩa của người viết.

Nếu là giờ thứ mấy thì nên viết tiếng *giờ* nhỏ đề trên dòng. Vi-dụ: *Đến 8 giờ tôi mới làm xong.*

Nếu phải trong một quãng thời-gian bao nhiêu giờ, thì tiếng *giờ* viết ngang dòng. Vi-dụ: *Phải 8 giờ tôi mới làm xong.*

6.—*VỀ DẤU ĐỒNG BẠC* Khi viết những món tiền, dù nhỏ hay to, ta nên cẩn-thận; nhiều người hay viết số tiền rồi mới đến dấu đồng, như: 82^d.

Theo các nhà tài-chính quốc-tế, không ai viết như thế, nhất là trong một tờ biên-lai, vì ta không lạ gì một con số đứng trước về bên trái con số khác, con số trước to hơn con số dưới 10 lần. (Tout chiffre placé à la gauche d'un autre représente une unité qui vaut 10 fois l'unité représentée par cet autre.)

Vậy, nay nên viết dấu đồng ở trên liền với số tiền, như vậy tránh được mọi sự nhầm đáng tiếc.

○

Những điều tôi trình-bày trên đây, mong các nhà tri-thức phủ-chính cho, và mong Chính-phủ ra lệnh điển-chế để ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam được thống-nhất và có qui-cử như những tiếng của các nước văn-minh Âu-Mỹ.

VẤN - ĐỀ VIỆT - NGỮ

III

TINH-NGHĨA VIỆT-NGỮ VÀ THỐNG-NHẤT VIỆT-NGỮ

Việt-ngữ chẳng chóng thì chầy cũng phải sửa-đổi theo khoa-học, một phần về chính-tả, một phần về tinh-nghĩa.

Về chính-tả, trên tôi đã nói. Những ý-kiến đó cũng chỉ là cách sửa-đổi tạm-thời để cho được duy-nhất đi đã, rồi sau sẽ tiến tới sự sửa-đổi theo đúng khoa-học âm-lời (phonologie), như thế là đi từ chỗ dễ đến chỗ khó.

Chắc ai cũng rõ, chữ quốc-ngữ ta đang dùng, phát-khởi từ thế-kỷ XVII, trải ba trăm năm nay, cũng đã sửa-đổi nhiều, nhưng sự sửa-đổi ấy cũng chỉ là lâm-thời ứng-dụng, chứ chưa sửa-đổi được trên nền-tảng khoa-học, vì khoa ngôn-ngữ-học xưa vẫn còn non-nớt sơ-sài. Ngay đến ngày nay, khoa-học âm-lời tức là môn học về âm và lời nói cũng chưa được phổ-biến, đến nổi tiếng “phonologie” mà trong tự-vị thông-thường nhất của Pháp là quyển *Nouveau Petit Larousse illustré*, bản in năm 1950, không thấy có, thì đủ rõ môn học ấy mới thế nào?

Tiếng “phonologie”, ông Nguyễn Bạt-Tuy, một nhà khảo-cứu từ-ngữ dịch là học âm-lời, là một môn học nghiên-cứu các âm-điệu, các cách đọc và phân-biệt từng

âm, thể nào là nhị-trùng-âm (diphthongue), hầu-âm (guttural), thiệt-âm (linguale), ty-âm (nasal), khẩu-cái-âm (palatale). Đó là những tiếng dịch theo từ-điển Trung-Hoa, còn nhiều tiếng, như: dentilinguale, labiale, dentilabiale, chưa thấy tự-vị nào của ta dịch cả. Ông Nguyễn Bạt-Tuy đã đem dịch cả ra tiếng Việt, theo lối mới ghép tiếng của ông, như: ty-âm (nasal), ông dịch ngay là âm-mũi; labiale là âm-môi; dentilabiale, là âm-môi-răng và dentilinguale là âm-lưỡi-răng. Nhân tiện đây, xin giới-thiệu với độc-giả một tác-phẩm chuyên-môn về âm-thanh của ông Nguyễn Bạt-Tuy, quyển *Cữ và vần Việt khoa học*, một thiên khảo-cứu rất công-phu chủ-trương sửa-đổi chữ quốc-ngữ trên nền-tảng khoa-học tối-tàn về âm-thanh.

Về chính-tả Việt-ngữ, tất rồi cũng sẽ phải sửa-đổi, như chữ Pháp ở thế-kỷ XV — XVI, so với chữ Pháp ngày nay, khác nhau xa,

Xem thế, ta thấy sự sửa-đổi một thứ văn-tự, không thể trong chốc-lát mà nên, phải theo trình-độ học-thức của cả dân-tộc; song, việc gì khởi-xương cũng do một vài người, rồi mới tập-hợp ý-kiến của nhiều người mà gây thành phong-trào, phong-trào đưa đến qui-chế. Như trong tiếng Pháp, ông Meigret đặt ra chữ J; dấu phẩy và dấu mũ được nhà thơ Ronsard dùng trước nhất; dấu huyền do nhà kịch Corneille đặt lên đầu tiên trên chữ E trong tiếng "Procès"; ông Geoffroy Tory phát-minh ra dấu hỏi (apostrophe) và Etienne Dolet nghĩ ra dấu tréma (theo tài-liệu của ông Nguyễn Bạt-Tuy).

Tinh-nghĩa cũng thế.

Văn-đề tinh-nghĩa Việt-ngữ, chưa mấy ai đề-cập đến. Từ trước đến nay chỉ thấy nhiều đề-nghị sửa-đổi hình-thức chữ, tức là chính-tả, còn việc đem chọn-lọc, phân-tích từng tiếng, giảng-giải từng nghĩa, tìm rõ màu vẻ từng tiếng, thì chưa, đành cứ để lộn-xộn, mỗi người tùy ý riêng hiểu, hiểu rồi dùng, không nhất-tri, cho tới bây giờ...

Tôi bây giờ mới hoảng sợ, vì cái lộn-xộn — không duy-nhất, mà cũng không nhất-tri — trong Việt-văn của ta đó, tỏ rõ cái khuyết-diểm, cái sơ-sai, cái cầu-thả, trong văn-tự ngôn-ngữ của ta, đối với quốc-tế. Nếu cái lộn-xộn đó còn kéo dài ra nữa thì thực tổn-thương cho phong-thể nước nhà nhất là trong giai-đoạn này.

Vì thế, việc tinh-nghĩa Việt-ngữ nên phải kip thực-hành.

Vậy, tinh-nghĩa là thế nào ?

Thế nào là tinh-nghĩa ?

* * *

TINH-NGHĨA LÀ THẾ NÀO ?

Có tiếng phải có nghĩa ; không có một tiếng nào không có nghĩa, mà cũng không có một tiếng nào nhiều nghĩa.

Những tiếng mà ta cho là ĐỒNG NGHĨA, TRÙNG NGHĨA, CÙNG NGHĨA đều là những cái hàm-hồ ta mệnh-danh ra thế, khi ta chưa tìm thấy nghĩa chính hay màu vẽ của tiếng ấy.

Tiếng nói là dấu hiệu bằng thanh-âm biểu-lộ tinh, tình, ý, tứ ; vậy, mỗi tinh, mỗi tình, mỗi ý, mỗi tứ phải có một dấu riêng thì mới bày tỏ đúng ý, tứ, tinh, tình của mình cho người khác hiểu được chân-xác. Không có lý gì, đã có tiếng **nhanh**, lại còn thêm tiếng **mau**, tiếng **chóng**. Sở-dĩ ta cho ba tiếng ấy đồng nghĩa, vì ta chưa biết được **nhanh** là thế nào ?, **mau** là thế nào ?, **chóng** là thế nào ?, nên cứ hàm-hồ cho là đồng nghĩa. Nhận kỹ ra thì ba tiếng ấy, đại-đồng mà tiểu-dị, nghĩa là đại-cương thì giống nhau, nhưng về chi-tiết thì khác nhau.

Sao vậy ?

Vì việc đời phức-tạp. Trình-độ tri-thức loài người mỗi tiến là mỗi đa-đoan, mà đã đa-đoan là sinh phức-tạp.

Cái phức-tạp đó gây ra nhiều việc, nhiều sự đại-dồng mà tiểu-di. Bởi thế, nên có nhiều tiếng đồng nghĩa mà khác ý. Thí như tiếng **nhanh**, lúc ban đầu chỉ biết có nhanh, nhưng sau lại có việc nhanh không, không đủ, cần phải **mau**; rồi ra lại có việc mau không, không đủ, phải có **chóng**. Lại như tiếng **mang**, trước chỉ biết mang bằng tay, sau nghĩ chế ra đòn gánh, mới thêm tiếng **gánh**; đến khi biết đóng thuyền lại thêm tiếng **chở**, rồi nghĩ ra cái xe, lại đặt ra tiếng **xe**, tiếng **tải**, tiếng **cộ**.

Xét thấy những tiếng trừu-tượng có nhiều tiếng đồng nghĩa mà khác ý hơn những tiếng cụ-thể. Như tiếng **mang** có tới hơn 50 tiếng đồng nghĩa là mang mà khác ý, vì mang có nhiều cách, mỗi cách có một tiếng riêng. Lại tiếng **ăn** có nhiều tiếng đồng nghĩa mà khác ý, vì mỗi trường-hợp ăn, mỗi cách ăn, có một tiếng.

Đến như tiếng cụ-thể, nhất là những tiếng gì chỉ một vật vô-song, thì ta chỉ thấy có một tiếng mà không thấy đến hai, ba, như tiếng khác. Thí như tiếng **mắt** thì người hay vật, cũng đều có một tiếng, vì con mắt của người, của thú, của chim hay của cá, đều như nhau. Lại như cái cột, cái kèo, con dao, cái kéo ít có tiếng đồng nghĩa. Thế mới biết cách đặt dấu làm tiếng của đời xưa cũng đã hoàn-hảo.

Xem vậy, đủ rõ mỗi tiếng nói là tiêu-biểu một ý, tứ, tình, tình, chứ không phải hàm-hồ là có tiếng mà không có nghĩa. Mỗi tiếng phải có nghĩa chính hay màu vẽ riêng của nó.

Sự tinh-nghĩa là cách-thức chọn, lọc, gạn, để tìm lấy cái tinh-tuý của mỗi tiếng, tức là tìm lấy cái nghĩa chính, cái màu vẽ của tiếng ấy, để dùng nói cho đúng với tình, tình, ý, tứ, muốn bày tỏ của mình.

Tinh-nghĩa là thế.

Nay, xin bàn đến thế nào là tinh-nghĩa?

THẾ NÀO LÀ TINH-NGHĨA?

Trong quốc-văn, ai chẳng nhận thấy có nhiều tiếng đồng nghĩa, trùng nghĩa, cùng nghĩa quá.

Tại sao vậy?

Theo sự nhận-xét thô-sơ của tôi, thì có 7 lý do sau này:

1.— Như trên, tôi đã nói, vì càng văn-minh, việc đời càng phức-tạp, tại thế mà phải có nhiều tiếng để ứng-dụng. Năm 1862, ta mất ba tỉnh miền đông Nam-kỳ, nhân-dân chỉ biết than:

*Nhà Bè nước chảy phân hai,
Ai vào Gia-định, Đồng-nai, thì vào.*

Lúc đó, chưa hiểu nhiều tiếng Pháp; Gia-định, Đồng-nai là nơi Pháp đóng, người vào hai nơi ấy, chỉ gọi là **VÀO**. Năm 1947, cũng trường-hợp thế, có cuộc Việt-Pháp xung-đột, Hà-nội, Hà-đông quân Pháp đóng, nhân-dân không than:

*Nhị-hà nước chảy đôi dòng,
Ai vào Hà - nội, Hà - đông thì vào.*

Vì hiểu tiếng Pháp, tiếng Anh, ai vào lại gọi là **dinh-tê**. Người thì bảo do tiếng Pháp **rentrer**, người thì cho là tiếng Anh **ring**. Sau này, tiếng **dinh-tê** là một tiếng lịch-sử và đồng nghĩa với tiếng **vào**, nhưng khác ý.

Đó là việc đời thêm mới, thì tiếng nói lại phải thêm để ứng-dụng.

2.— Vì kiêng tên húy, mà đọc trạnh hay viết khác những tiếng chính như: **hoàng** đọc là **huỳnh**, **tông** đọc là **tôn**, **hồng** đọc là **hường**, **nhậm** đọc là **nhệm**, **thì** đọc là **thời**. . .

3.— Đường-xá không mở-mang, thì sự thông-thương không được tiện-lợi mà nền văn-hoá cũng bị bế-tắc, nên mỗi địa-phương tự tạo ra một thứ tiếng để trao đổi với

nhau trong vùng, trong miền; bởi vậy, có ngữ-miền (dialecte), ngữ-vùng (patois).

4.— Ngoài những ngữ-miền, ngữ-vùng, có những tiếng mà nhiều địa-phương nói, đọc, viết khác nhau, như: *trời*, *giời* — *trăng*, *giăng* — *trai*, *giai* — *nhón*, *lón* — *nhời*, *lời* — *đàng*, *đường* — *đang*, *đương* — *tràng*, *trường* — *sinh*, *sanh* — *nhuộm*, *ruộm* — *nhường*, *đường* — *nhữ*, *dữ*, . . .

5.— Vì quyền-lợi trong giới, trong phường, muốn giữ bí-mật trong sự giao-dịch lại có những tiếng lóng, tiếng lái (argot) như: kéo xe, gọi là **xế**; ăn cắp, ăn trộm, gọi là **chạy**, **mồi**; làm đĩ, gọi là **phình**, **đượi**; hát nhà trò quít không có tiền trả, gọi là **cháy**; ăn mày, gọi là **cốc**. (Cốc, có ý là gõ vào lòng từ-thiện của thiên-hạ mà sống.) — Các nhà thuyền chài gọi **cạy** là bên trái; **bát** là bên phải.

6.— Nhân có những nhu-cầu mới của các nước ngoài du-nhập, nên lại có những tiếng mới, mỗi địa-phương một khác, như: **savon**, trong Nam gọi là *xà-bông*, ngoài Bắc gọi là *sà-phông*; **bicyclette**, Sài-gòn gọi là *xe máy*, Hà-nội gọi là *xe đạp*, Hải-phòng gọi là *xe lết*; **timbre-poste**, trong Nam gọi là *con có*; **timbre-quittance**, gọi là *con niêm*; ngoài Bắc, phiên âm gọi là *tem cả*.

7.— Những tiếng ngoại-quốc nhập-cảng mà ta dùng cả tiếng và nghĩa, nhiều nhất là tiếng Trung-Hoa như: tiếng *món* lại *cửa*; *án* lại *bàn*; *an* lại *yên*; *phú* lại *giàu*; *đưỡng* lại *nuôi*.

Tiếng Âu-Mỹ, thì có tiếng: *tách*, *cồn*, *ca*, *gác*, v. v.

Bấy nhiêu điểm làm cho Việt-ngữ có nhiều tiếng đồng nghĩa, trùng nghĩa và cùng nghĩa. Sự giao-dịch, thông-thương và sự dùng lâu thành thói làm cho những tiếng ấy thành ra phổ-thông trong dân-gian, và làm cho quốc-văn hoá lộn-xộn, không nhất-tri. Sự lộn-xộn đó làm cho tối nghĩa trong lời văn và có khi sai lạc cả ý văn.

Tôi xin dẫn-chứng một việc để độc-giả thấy sự bất-tiện vì ngôn-ngữ không nhất-trí.

Sau khi đường xe-hỏa chạy suốt Bắc-Nam, người hai xứ đi lại buôn bán không ngớt. Có một bà ngoài Bắc vô Sài-gòn buôn, đến sở Bru-điện mua một cái tem gửi thư. Ông thư-ký ngồi ở quầy, đang mãi làm sổ, thấy hỏi mua tem ngẩng lên hỏi lại : « *Con có phải không ?* ». Bà ngoài Bắc, tưởng ông kia hỏi lỡm, nổi doá, may có người bên cạnh giảng-giải, câu chuyện mới êm.

Đó là vì hiểu nhầm, tại ngôn-ngữ không nhất-trí mà suýt thành xung-đột.

Lại xin kể một tỷ-dụ, chỉ một tiếng không tinh-nghĩa mà làm sai ý cả một bài văn.

Tôi thấy vài học-giả soạn Văn-học-sử Việt-Nam, bình giảng *Cung-oán ngâm-khúc* cho là nàng cung-nhân bị ông vua chán bỏ, nên than thở. Như tác-giả *Việt-Nam văn-học-sử yếu* (Dương - quang - Hàm. — Bộ Quốc-gia Giáo-duc xuất-bản, 1950, trang 317) viết : « . . . trước được vua yêu chuộng, nhưng không bao lâu bị chán bỏ », và tác-giả *Việt-Nam văn-học-sử trích-yếu* (Nghiêm Toàn. — Nhà sách Vĩnh-bảo Sài-gòn x. b., 1949, Tập I, trang 104) viết : « . . . lúc trước vua yêu, về sau bị chán bỏ », cách xuống 4 dòng lại viết : « . . . trước được vua yêu, sau bị vua duồng bỏ. . . »

Một tiếng chán cũng đủ làm sai ý-nghĩa thiên *ngâm-khúc Cung-oán* rồi, huống-hở lại còn **đuồng** nữa.

Vậy, thế nào là **Chán** ?, thế nào là **Duồng** ?

Việt-Nam tự-điền chua : **CHÁN** là không thích, không ưa, không thêm nữa (trang 108), và **DUỒNG** là xua đuổi (nói riêng về vợ chồng) (trang 159).

Việt-Nam tự-điền cắt nghĩa chưa hết ý. **CHÁN**, có ý, một là dùng lâu, không thích nữa, không thêm nữa, như đã ăn, hay dùng nhiều rồi, mới có chán, hai là ban đầu mới, đẹp thì ưa, sau lâu cũ, xấu thì ghét, không nhìn đến chứ không hất-hủi, mà cũng không dày-doạ.

Còn **DUÔNG** là chán quá, không chịu được phải xua đuổi đi, vì một lý-do gì không cho ở nhà.

CHÁN và **DUÔNG** khác nhau ở chỗ: **CHÁN**, thì chỉ không nhìn, thờ-ơ lãnh-đạm, mà cứ để ở nhà, và có khi còn tỏ ra tử-tế, nhưng không để ý đến. Còn **DUÔNG**, thì đuổi xua đi, ở chỗ khác cho khuất mắt, vì tội-lỗi hay vì bạc-bẽo, tức là ráo-riết hơn **CHÁN**.

Vậy bình-giảng *Cung-oán ngâm-khúc* của ông Nguyễn-gia-Thiều, ta thấy thế nào? Toàn bích bài ngâm-khúc có câu nào tỏ là nhà vua **CHÁN** nằng cung-nhân không?, có **DUÔNG**-dây nằng cung-nhân không?, và có đuổi ra khỏi cung hay vẫn để trong cung? Lại nằng cung-nhân có than-oán câu nào tỏ là nhà vua **CHÁN** bỏ không?

Phạm-vi bài này, không phải để bình-giảng *Cung-oán*, nên không dám đi sâu vào điểm này, e lạc đề; chỉ xin bày tỏ rằng một tiếng dùng thiếu ý-niệm *TINH-NGHĨA* có thể sai cả ý bài văn.

Cứ theo thiên-kiến, thì nằng cung-nhân than-oán tại nhà vua **QUÊN** bỏ, chứ không phải **CHÁN** bỏ, hay **DUÔNG** bỏ. **QUÊN**, vì ông vua có nhiều cung-nhân quá mà không có thời-giờ nghĩ đến nằng, nhớ đến nằng, nên mới có câu :

*Muôn hồng nghìn tia đua tươi,
Chùa xuân, nhìn hái một hai bông gần.*

Thực ra, nằng cung-nhân, chưa già-cổì gì, mà đến nỗi vua phải **CHÁN** bỏ; và cũng không tội-lỗi gì mà đến nỗi vua phải **DUÔNG** bỏ.

Lại câu :

*Hoa này, bướm nữ thờ-ơ,
Đề gầy bông thắm, đề xơ nhụy vàng.*

Đủ thấy hoa còn thắm, nhụy còn vàng, mà bướm nữ thờ-ơ **QUÊN** bỏ.

Xem thể thì biết, một tiếng **CHÁN**, hay **QUÊN** làm đổi hẳn ý-nghĩa bài văn và sai-lạc cả tâm-tư của tác-giả.

Gia-dĩ khảo về thân-thể tác-giả bài ấy thì hiểu rõ thêm là ông Nguyễn-gia-Thiều có ý tả năng cung-nhân bị vua **QUÊN** bỏ chứ không phải **CHÁN** bỏ.

Việc tinh-nghĩa quan-trọng là thể. Vậy muốn tinh-nghĩa, theo thiên-kiến của tôi, mới thấy có hai cách:

A — Suy-cứu ngôn-ngữ cồ.

B — Tìm cho mỗi tiếng một nghĩa mà phải hợp-lý.

Hai cách đó, phải luôn luôn theo sát với quần-chúng, nghĩa là dầu ở ngôn-ngữ cồ, hay tự tìm đặt ra một nghĩa mới, nhưng bao giờ cũng phải chú-trọng xem đại-đa-số dân-chúng đã dùng chưa (droit de cité).

A — SUY-CỨU NGÔN-NGỮ CỒ: Trong cách suy-cứu ngôn-ngữ cồ, một phần phải tầm-nguyên, một phần căn-cứ vào lịch-trình tiến-hoá của mỗi tiếng để tìm biết cái cốt, cái chính, cái màu vẽ của tiếng ấy.

Trên tôi đã nói, mỗi tiếng phải có một nghĩa, không có tiếng nào không có nghĩa, mà cũng không có tiếng nào nhiều nghĩa. Vì thế, nên phải tinh-nghĩa.

Trong việc chính-tả hiện nay, tôi nhận thấy vì thiếu quan-niệm tinh-nghĩa mà nhiều tiếng hoá ra vô-nghĩa (non sens). Như tiếng **đường-xá**, nhiều người viết **SÁ** cho là đúng chính-tả. *Việt-Nam tự-điển* cũng biên: **đường-sá** (trang 198); *Việt-ngữ chính-tả đối chiếu* cũng chua: **đường-sá xa-xôi** (trang 77).

Tiếng ghép hay tiếng đòi là những tiếng gồm nhiều tiếng đơn, mà mỗi tiếng đơn cũng phải có một nghĩa, chứ không phải có những tiếng đơn bị ghép không có nghĩa như ta thường tưởng. Trong tiếng ghép của Trung-Hoa, Anh, Pháp, những tiếng đơn đều có nghĩa cả, như: tầm-thường, can-đảm, weck-end, wagon-lit, mỗi tiếng đơn đều có nghĩa riêng rõ-rệt.

TÂM-THƯỜNG : 8 thước, là 1 tâm ; 2 thước, là 1 thường. Trong Hán-văn, nghĩa bóng là thường thường, luôn luôn, như câu : «*Tâm-thường bách chủng hoa tễ phát*», hay «*Tửu trái tâm-thường hành xừ hữu*» ở Đường thi. Cụ Tam-nguyên Yên-đồ cũng có câu thơ “Tạ người tặng hoa trà” : «*Tâm-thường, tế vũ kinh xuyên điệp.*» Từ-nguyên có chua : «*Tâm-thường : bình-thường dã.*»

Trong Việt-văn, có nghĩa bóng là hèn, thấp, xoàng, tài giỏi chỉ đến 2 thước, hay 8 thước là cùng.

CAN-ĐÁM : Can, là gan ; đảm, là mật. Ở quốc-văn, nghĩa là người có gan to, mật lớn. Ở Hán-văn, nghĩa là thành-khẩn, tức là phơi gan, lộ mật, có ý nói trong lòng ngay thẳng, như câu : «*Cố khiến Lưu-quân khẩn trần can-đám*»; và «*Bất-tri can-đám hương thủy thị, linh nhân khước ức Bình-nguyên-quân*» (Đường thi).

WEED-END : Weed, là tuần lễ ; end là cuối ; nghĩa là ngày cuối tuần, tức là thứ bảy.

WAGON-LIT : Wagon, là toa xe hoả ; lit, là giường ; nghĩa là cái toa xe hoả có giường để nằm nghỉ.

Tiếng ta cũng theo luật ấy.

Về vấn-đề tiếng ghép này, ông Nguyễn Bạt-Tuy đang soạn một quyển *Khảo về tiếng ghép* ; ông nói rõ những nhận-xét tinh-vi về tiếng ghép Việt-Nam theo luật thuận-âm và thuận-thanh, những biến-đổi về hình-thức qua âm và nghĩa, những phương-pháp căn-cứ vào khoa-học từ-ngữ để định lấy một cách ghép lên tiếng cho đứng-dẫn. Theo ý ông Bạt-Tuy, thì đó là một thiên khảo-cứu để tìm hiểu thêm tiếng nói nước nhà và chống lại một phong-trào ghép tiếng thiếu suy-xét hiện đang bành-trướng một cách nguy-hiểm.

Theo nhận-xét về sự cấu-tạo tiếng ghép nói trên, tiếng **ĐƯỜNG-XÁ** mà viết **SÁ**, thì thực vô nghĩa.

Tôi đã tìm hỏi các nhà trí-thức ; có người bảo **SÁ** là tiếng **SA** đọc trạnh, ngụ ý **SA** là cát, nghĩa là đường cát bụi. Lại có người nói **SÁ** viết **XÁ** mới đúng, vì **XÁ** là cái nhà nhỏ, như : quán-xá, phố-xá. Nguyên ngày xưa ta cũng

biết trọng việc giao-thông, vì biết đã lâu đường giao-thông là huyết-mạch tức là những mạch máu của một dân-tộc, nên rất chú-ý sự đi lại thông-thương, và hết sức săn-sóc đến bộ-hành. Vì vậy mỗi độ đường phồng 30 dặm có lập một cái **XÁ**, tức là nhà nhỏ, để bộ-hành hoặc nghỉ chân, hoặc nghỉ đêm cho tiện. Thuyết sau này hợp-lý và có lẽ đúng.

Cũng như những tiếng **CHỢ**, **BÚA** và **BÀU**, **BẠN**; mỗi tiếng có một nghĩa mà nhiều người cứ cho là điệp-tự cả.

Xét nhận kỹ, trong Việt-ngữ, không có tiếng nào là điệp-tự. Ngay như tiếng **IẾC**, mà nhiều người hay nói trong những trường-hợp gắt hay hài-hước như: “làm **liếc** gì thế?” hay “ăn **iếc** gì thế?”; những tiếng đó là những tiếng thêm vào để làm giảm cái thế của tiếng đứng trên, cũng như trong tiếng Pháp có “âm-ken-cuối” (suffixe) — nhiều tự-vị Pháp-Việt theo tự-vị Trung-Hoa gọi là “tiếp vĩ ngữ” — **ATRE**, trong tiếng **BLANCHÂTRE**, chẳng hạn. *Blanche*, là trắng; *Blanchâtre*, là trắng trắng. Nhưng cái công-dụng tiếng **IẾC** của tiếng ta, có lẽ lại hay hơn nữa, là vì tiếng **IẾC** dùng được cả cụ-thể và trừu-tượng, mà bao giờ cũng bao-hàm một ý chê-bai hay hài-hước ở trong. Như nói: “trắng trắng”, là không được trắng; nhưng nói “trắng triếc”, là có thể làm được trắng mà sao không trắng, hay có ý chê là không được trắng. Ví-dụ: *Trông trắng trắng chứ không được đẹp*, và *Trắng triếc gì thế này*.

Lại như tiếng **NHANH-TRAI**. *Việt-Nam tự-điển* chua là **nhanh-chai** (trang 403). Vậy **CHAI** là gì? Chính phải là **nhanh-trai** mới đúng, nghĩa là nhanh-nhẹn trai-trẻ.

Thế đủ biết **CHÍNH-TẢ** cũng phải có **TINH-NGHĨA**, thì chính-tả mới đúng.

Việc tinh-nghĩa phải chú-trọng nhất đến tâm-nguyên, song tâm-nguyên Việt-ngữ là một sự hiện giờ rất khó. Thực ra Việt-ngữ xưa nay chưa mấy ai chịu nghiên-cứu tinh-vi, chỉ nói mơ-hồ thì lắm, như nhiều người cho tiếng Việt là nghèo hay có đến quá nửa là Hán-tự, nhất là các cụ nhà nho, thì bất-cứ cái gì, hay, lạ, đẹp, là do Trung-quốc. Ngày trước cụ Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tổ đã phải có lần thanh-minh về điểm ấy. Cho hay tư-tưởng lệ-thuộc học-thuật sâu-xa lắm vậy!

Lại có mấy nhà văn Âu-Mỹ cũng nghiên-cứu tiếng Việt, nói thuyết này thuyết nọ, nhưng những vị ấy đã nghiên-cứu một thứ tiếng mà chưa chắc những vị đó đã hiểu được đến chỗ tế-nhị tinh-vi, thì có khác gì vẽ phượng dễ hơn vẽ gà, vẽ rồng dễ hơn vẽ cọp, vẽ quỷ dễ hơn vẽ người. Nói đâu xa, ngay người Việt-Nam ta học Hán-tự từ hai nghìn năm nay, mà liệu có hiểu được hết những cái tinh-tuý của Hán-văn không đã.

Có người nói: Cụ Phan Bội-Châu, là bậc danh-nho trong nước, đỗ thủ-khoa trường Nghệ, dĩ-nhiên là Hán-học uyên-thâm, khi cụ ở Nhật-Bản, có làm quyển *Việt-Nam vong-quốc sử* đưa cho ông Lương Khải-Siêu đề tựa. Ông Lương rất phục văn-tài nhưng có nói là chưa được *thuần-nhã*. Có người lại nói: ông Lương bảo chưa được *tuấn-nhã*; nhưng tôi trộm xét, văn của cụ Phan có lẽ *tuấn-nhã* có thể thừa, mà *thuần-nhã* có thể thiếu, là vì tuy vậy, những cách dùng liên-tự, và trợ-ngữ, trong câu văn, như: *chi, hồ, giả, dã*, tất không được rành như người Trung-quốc. Khác gì người ngoại-quốc học Việt-ngữ, cho dầu thế nào cũng không thể nói, viết đúng điệu như người Việt ta được. Như thế, đủ rõ học một thứ tiếng ngoại-quốc, mà hiểu được đến chỗ tinh-vi là khó. Gia-dĩ, khoa ngôn-ngữ-học ngày trước còn sơ-sai chưa được tiến. Trước kia, các từ-ngữ-gia chủ-trương là ngôn-ngữ trên hoàn-cầu chia hẳn ra làm ba ngành: *Sémites* ở Đông-Âu và Tây-Á; *Aryens* ở La-Mã, Hy-Lạp, Ấn-Độ; và *Touraniens*

ở Trung-Á, không liên-can gì với nhau cả. Thuyết trên này, nay đã bị phản - đối kịch - liệt vì các nhà từ-ngữ-học mới đây, hiểu rõ là ngôn - ngữ của các dân-tộc trên địa-cầu đều có qua-cát, họ-hàng gần-gũi chẳng nhiều thì ít với nhau cả. Nói tóm lại từ xưa chỉ có một giống người, chỉ có một thứ tiếng nói; cũng chỉ vì tang-thương biến đổi mà bị xa cách nhau; xa cách lâu, rồi thì thành lạ.

Ấy cũng vì nghiên - cứu các thứ tiếng mà một quân-nhân Pháp, đại - tướng Frey, hồi năm sáu mươi năm gần đây đã can-dảm nói rằng: « Tiếng Việt-Nam, là mẹ các thứ tiếng » (L'Annamite, mère des langues). Đại-tướng bị công-kích, nhất là báo *Courrier d'Haiphong* hồi ấy. Đại-tướng lại làm luôn một quyển nhan-đề là *Người An-Nam và người Cận-Âu (Khảo tìm nguồn-gốc các thứ tiếng)*¹, để trả lời.

Thuyết của đại-tướng Frey trên, dầu không được như lời ông nói, nhưng đã rọi cho ta một tia sáng nhỏ, dù chỉ lập-loè như con đom-đóm trong đêm không trăng, cũng đủ cho ta dễ-dàng rấn bước. Trái lại, thuyết của ông Frey đã không được các nhà tri-thức Việt-Nam để ý, lại còn phụ-hoạ, cũng cho là võ - đoán, và nguy-biến, thường đem ra điều-cột là khác, chứ không chịu nghĩ đến câu « người diên nói cũng có lời phải », mà cố tìm học để cho rõ nguồn-gốc ngôn-ngữ dân-tộc của mình.

« Vấn tổ, tầm tông », chính là ở đây, chính là do đây, mà cũng chính đây là nhiệm-vụ của các nhà tri-thức vậy.

Tâm-nguyên là một yếu-tố trong sự suy-cứu ngôn-ngữ cổ.

Suy-cứu ngôn-ngữ cổ lại còn một phần nữa là xét về lịch-trình biến-thiên của mỗi tiếng về phương-diện lịch-sử và dân-chúng.

1. — *Annamites et Extrême - Occidentaux (Recherches sur l'origine des langues)*.
— Lib. Hachette, Paris, 1894.

Thí như tiếng **GÁC**, vừa là cồ vừa là kim. **GÁC** nghĩa là đề lên trên (mặt trời gác núi), là cồ; còn **GÁC** nghĩa là canh giữ, thì mới có từ ngày người Pháp sang đây, do tiếng Pháp "Garde" phiên âm ra; như: bót gác, canh gác, đồn gác.

Lại như tiếng **các** và **những**; ông Long-diễn năm xưa cho tiếng **các** là Hán-tự, **những** là Việt-tự (theo *Tri-Tân* số 73, năm 1940, trang 15, 16); nhưng theo sự nhận-xét riêng của tôi thì **các** và **những** đồng nghĩa mà khác ý. Theo cách suy-cứu ngôn-ngữ cồ, tôi nhận thấy điểm sau này đủ cắt nghĩa rõ-ràng tiếng **các** và **những**. Thường chỉ thấy xưa nay ai cũng nói: **những** gì, **những** cái nào, mà không thấy ai nói **các** gì, hay **các** cái nào. Ví-dụ: Anh đọc được **những** gì ở thư-viện; chứ không nói: Anh đọc **các** gì ở thư-viện? — Anh mua **những** cái nào thì mua; chứ không nói: Anh mua **các** cái nào thì mua.

Xét thế, đủ thấy **các**, là tổng-quát, và **những** là một phần và chỉ-định. Xét sâu nữa, thấy **các** là khắp, mọi, tổng-quát, hay bao-quát một khu-vực; còn **những** là chỉ trong phạm-vi **các** và chỉ-định. Ta thường nói: «Thưa **các** ngài», mà không bao giờ nói: «Thưa **những** ngài.» Khi nào dùng tiếng **những** thì dưới phải có tiếng **nào** hay **gì**, hay một tiếng tỉnh-tự chỉ-định... Thí như câu: «Thưa **các** ngài, **những** ngài nào có giấy mời, xin sang bên trái. Lại **các** ngài ở bên trái, **những** ngài nào ít tuổi xin nhường cho **những** ngài hơn tuổi lên ngồi trên.» Xem thế thì rõ **các** dùng nói bao trùm một khu, mà **những** ở trong phạm-vi **các**. Đến như địa-danh và nhân-danh cũng vậy. Ví-dụ: **Các** anh-hùng nước Nam: Trưng Chắc, Ngô Quyền, Trần Quốc-Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung là **những** bậc anh-hùng cứu-quốc đánh đuổi ngoại-xâm. — **Các** ruộng ở nước ta, **những** ruộng ở Nam-phần phi-nhiều hơn **những** ruộng ở Bắc-phần.

Đó là cách suy-cứu ngôn-ngữ cồ.

Nay lại nói đến vấn-đề tìm cho mỗi tiếng một nghĩa mà phải hợp-lý.

B— *TÌM CHO MỖI TIẾNG MỘT NGHĨA* : Cách tìm cho mỗi tiếng một nghĩa mới, theo sự nhận-xét của tôi thấy có nhiều ý-kiến :

- 1.— Một phái ít hoạt-động, cố-chấp, sợ việc, cái gì không có “*TỬ VIẾT*”, là nói *không có sách, nhất-định bác đi*.
- 2.— Một phái cho sự tìm ra một nghĩa mới là khó, hay ép quá, không thể được, vì ngôn-ngữ là phải do quần-chúng tạo nên theo sự nhu-cầu và trình-độ.
- 3.— Một phái tán-thành, và lại muốn đi sâu rộng việc tìm đặt nghĩa mới để làm giàu Việt-ngữ và nhất-trí Việt-ngữ.

Sự tìm một nghĩa mới làm cho hai phái trên hoảng-sợ, vì họ quá tin ở sách mà bị nhầm ở sách, và quá sợ mới mà không làm được cái gì mới, tuy họ rất thuộc lòng thế nào là «*tận tin thư, bất như vô thư*» và «*nhật nhật tân hựu nhật tân*». Họ lại thường trình-trọng nêu cao bốn chữ «*Ôn cố tri tân*», là xét cũ biết mới, để «*khả dĩ vi sự hĩ*» nhưng có biết đâu chính ý của thánh-nhân khuyên nên «*TRÍ TÂN*», là biết gây dựng cái mới cho hợp-thời, chứ không phải là để biết cái mới của người ta mà bắt-chước. Như thế mới là tâm-đắc.

Thực ra, sự tìm một nghĩa mới cho những tiếng đồng nghĩa, trùng nghĩa, cùng nghĩa như trên, không có chi la cả. Tạo ra một tiếng mới còn không khó, huống tìm một nghĩa mới mà nghĩa ấy lại hợp-lý, nghĩa là dân-chúng đã có dùng.

Ai chẳng rõ : vấn-tự ngôn-ngữ cấu-tạo do hai cách : bởi binh-dân (*formation populaire*), và bởi bác-học (*formation littéraire*).

Mỗi khi trong dân - gian, có một sự biến - cố, thì dân lại tạo ra những tiếng mới để ứng - dụng; như hồi Pháp bảo-hộ, có những tiếng: *gác, ga, tua, kêng, kền*, và mới đây có tiếng *dinh-té*, v. v.

Còn về cách cấu-tạo bác-học thì do các nhà văn tung ra những tiếng mới :

a) — Lấy Hán-tự thêm vào tiếng ta, như : *cốc-lãng, yên-thủy*.

Cốc-lãng, cùng nghĩa với *tang-thương*.

Cốc-lãng, trời khéo đổi thay,
Giận riêng bờ cõi, từ rày thuộc Minh.
Quốc-sử diễn ca

Yên-thủy, cùng nghĩa với *tự-do*.

Hoá-công khéo phụ nhân-tình,
Đem người **yên-thủy**, buộc vành lao-lung.

CAO-BÁ-NHẠ. — Tự-tình

b) — Dịch Hán - tự ra quốc - văn, như : *thẻ lụa, thẻ son*.

Thẻ lụa, thẻ son, cũng như *sư sanh*.

Công-danh ấy dành ghi **thẻ lụa**.

VÔ - DANH. — Tài nam-tử

Đông hư rộng chép thẻ son.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

c) — Tập theo Hán-tự mà đặt ra quốc-văn, như : *lòng tên*.

Lòng tên : nghĩa bóng là mong về nhà.

Dập-diu buồm nghĩa gió duyên,
Lòng tên thuyền cũng như tên chiều lòng.

Hoa-tiên

Cụ Nguyễn Du, trong *Kim-Vân-Kiều*, đã tạo ra bao nhiêu tiếng.

Cạn lai, thi-sỹ Tản-dà Nguyễn-khắc-Hiếu, cũng có đặt thêm tiếng mới, như: *đoái khúc*, cùng nghĩa với *tri-âm*.

*Khúc đàn này, vẫn khúc đàn xưa,
Mà người **đoái khúc**, bây giờ đâu xa? (Ôm cầm)*

Nhà thi-sỹ trào-phúng Tú-mỡ, cũng đặt tiếng **cưỡi nhận** là đi xe đạp; nguyên vì trong thời 20, 30 năm về trước, xe đạp có hiệu "CON NHẬN" (Hirondelle), là tốt nên ai cũng thường chuộng thứ xe hiệu ấy:

*Gò lưng **cưỡi nhận** sức còn dai.*

o

Cái gì không tiến là thoái, mà không tiến, không sinh-tồn được. Khổng-tử khuyên ta phải mỗi ngày mỗi mới, mà phải mới mãi (*nhật nhật tân, hựu nhật tân*).

Tạo ra tiếng mới để ứng-dụng vào các sự, các việc cho hợp-thời, để làm phong-phú văn-tự ngôn-ngữ là nhiệm-vụ của các nhà văn; nhưng, sự tạo ra một cái gì mới, trước tiên cũng do sáng-kiến của một người, hay một số ít người, rồi sau này, sáng-kiến đó mà hợp-lý, hợp-thời, nhiều người theo dùng, là thành qui-chế.

Việc tạo ra tiếng là chỉ do nhu-cầu và kinh-nghiệm mà nên, còn việc tìm một nghĩa mới thì thực không có gì là lạ và khó-khăn cả, duy chỉ để ý tổ-chức lại là được.

Sự tìm cho một nghĩa, đặt ra một nghĩa, hay định lại một nghĩa mới làm giàu cho Việt-ngữ, vì trong sự tìm nghĩa đó, phải thu-dụng hết những tiếng lóng, tiếng lái, ngữ-vùng, ngữ-miền, tiếng dọc trại, tiếng kiêng huý, tiếng thô-ngữ, mà *dàn-chúng đã dùng qua, tức là đã phổ-thông trong nước*.

Thí-dụ như tiếng **giời** và **trời**, ai cũng rõ ngoài Bắc nói **giời**, trong Nam gọi **trời**. Đứng về phương-diện thống-nhất Việt-ngữ, nói chuyện với nhau, thế nào hiểu được

thì thôi, nhưng còn viết lên giấy tờ truyền đi, để lại, phải thế nào cho duy-nhất, chứ không thể trên viết **trời**, dưới viết **giời** được. Có người cho thế là một tiếng có hai giọng: giọng Nam và giọng Bắc. Nếu vậy, thì không phải là duy-nhất và văn-tự vẫn không thống-nhất được. Nay chỉ biết trong quốc-văn của nước Việt-Nam có hai tiếng **Trời** và **giời**, vậy nên định rõ **trời** là thế nào? mà **giời** là thế nào?

Theo *Việt-ngữ tinh-nghĩa từ-điển* của ông Long-diễn: **TRỜI**, dùng nói về tinh-thần và tôn-qui, có nghĩa là Tạo-hoá, Thiên-nhiên, như ông Trời, Trời Phật, Trời già, Trời xanh, v.v. Còn **GIỜI**, dùng về vật-chất, nghĩa là cái bầu xanh xanh, bao phủ trên không, và nói chung về khi-hậu, như: giời nắng, giời mưa, giời rét, giời gió.

Nếu định-nghĩa như vậy, thì trong một câu, viết được cả hai tiếng **TRỜI** và **GIỜI** mà không lẫn ý, lại rõ-ràng thêm.

*GIỜI MƯA, thì mặc GIỜI MƯA,
Tôi không có nón, TRỜI chừa tôi ra. (Ca-dao)*

Tiếng **GIỜI** trên là bầu xanh xanh, mà tiếng **TRỜI** dưới là ông Tạo.

Thi như tiếng **Tàu**, tôi đã trình-bày trong bài trên, ta có thể dùng cả **Tàu** và **Tầu**, vì trong văn quốc-ngữ có cả **ÂU** và **AU**.

Nay lại xin nói thêm để minh-chứng rằng sự tìm một nghĩa mới cho Việt-ngữ, và sự lợi-dụng những tiếng đồng nghĩa làm cho Việt-ngữ được khúc-chiết và phong-phú.

Như tiếng **DÔNG** có tất cả 7 nghĩa, mà chỉ dùng có hai tiếng **dòng** và **ròng**. *Việt-Nam tự-điển* (trang 155 và 471), *Việt-ngữ chính-tả đối chiếu* (trang 67), không thấy chua tiếng **GIÔNG**. Chính tiếng **GIÔNG**, nhiều nhà văn dùng. Ông Hoàng-xuân-Hãn (*Quốc-sử diễn-ca*. — Sông-Nhị, Hà-nội, 1949, bản Đính-chính); ông Hoàng Trúc-Trâm (*Lịch-sử xã-*

hội Việt-Nam. — Nhà Thế-giới xuất-bản 1950, bản Đính-chính); ông Nghiêm Toàn (*Luận văn thị phạm*. — Nhà Thế-giới xuất-bản 1950, bản Đính-chính) đều dùng tiếng **GIÔNG** cả.

Đến tiếng **GIÓNG**, tất cả có tới 10 nghĩa, mà ở Bắc chỉ thấy khu khu dùng có một tiếng **GIÓNG** (*Việt-Nam tự-điển*, trang 222); trong Nam thì có dùng **RÓNG** (*Đại-Nam quốc-âm tự-vị* của Paulus CỬA, trang 264, cuốn II). Vậy còn tiếng **DÓNG** vì lẽ gì tại bỏ không dùng?

Lại đến tiếng **MỒ CÔI** và **BỒ CÔI**, trong quốc-văn thường thấy dùng lẫn-lộn cả hai, không phân-biệt. Xét có ba trường-hợp:

- 1.— Con mất cả cha và mẹ.
- 2.— Con mất cha.
- 3.— Con mất mẹ.

Theo sự suy-cứu ngôn-ngữ cổ, ta có thể đoán được xưa Việt-ngữ đã có ba tiếng rõ-rệt chỉ ba trường-hợp trên: *con côi*, *bồ côi*, *mồ côi*, sau vì cầu-thả mà dùng lộn-xộn chằng?

Câu tục-ngữ: *MẸ GOÁ, CON CÔI* tỏ rõ lời nói trên có phần đúng. Câu ấy tả rõ cái cảnh lẻ-loi, mất nơi nương-tựa của người mẹ goá, hay người con côi. Mẹ goá, là mất chồng; con côi, là mất cả cha và mẹ.

Có người bẻ câu: “Mẹ goá con côi” (không có dấu chấm phẩy ở giữa) là cảnh mất chồng, mất cha. Chính *Việt-Nam tự-điển*, trên trang 89 cũng cắt nghĩa CON CÔI là con mất cha thôi. Cắt nghĩa thế không đúng.

Lời văn rất dễ xuyên-tạc; chỉ một cái dấu chấm câu làm khác cả ý văn. Như câu tục-ngữ trên “Mẹ goá, con côi”, nhiều người thường nói, đọc, viết luôn không ngừng, không có dấu phẩy sau hai tiếng MẸ GOÁ, thì tất hiểu như *Việt-Nam tự-điển* chưa trên đây. Nhưng nếu đọc kỹ, ngừng lại ở hai tiếng MẸ GOÁ thì hiểu ngay là câu đó tả hai cảnh lẻ-loi trơ-trọi, MẸ GOÁ và CON CÔI, tức là con

mất cả cha và mẹ, thì mới đến nỗi tro-trọi, không nơi nương-tựa; chứ nếu chỉ mất cha thì cũng có thể “*ăn cơm với cá*”, hay có mất mẹ thì đến “*liếm lá đầu chợ*” là cùng, không đến nỗi quá bơ-vơ.

Tra-cứu kỹ nữa, thấy trong *Đại-Nam quốc-âm tự-vị* của Paulus CỬA, trang 183, cuốn I, có chua: **CON CÔI** người mất cha, mất mẹ, hoặc *mất cả hai*. Như vậy, đủ rõ **CON CÔI**, có thể là người mất cả cha và mẹ.

Xét đến câu: “*Mồ côi cha, ăn cơm với cá; mồ côi mẹ, liếm lá đầu chợ*”, và “*Mồ côi cha, niu chân chú; mồ côi mẹ, triu vú dì*”, có lẽ ngày xưa là: “*Bồ côi, ăn cơm với cá; mồ côi, liếm lá đầu chợ*”, và “*Bồ côi niu chân chú; mồ côi triu vú dì*”, không cần có tiếng “*cha*” và tiếng “*mẹ*” đi kèm; về sau dùng câu-thả, không phân-biệt được **BỒ CÔI** và **MỒ CÔI** cho rành-rọt, nên phải kèm tiếng **CHA** và **MẸ** cho rõ nghĩa.

Xem thế đủ rõ tiếng ta rất phong-phú, cũng như tiếng Trung-Hoa, có ba tiếng rõ-rệt cho ba trường-hợp: **cô-tử**, là con mất cha; **ai-tử** là con mất mẹ; và **cô-ai-tử**, là con mất cả hai cha mẹ; chứ không như tiếng Pháp chỉ có một tiếng “*orphelin*”, lúc nào dùng nói về trường-hợp nào, mới thêm.

Vậy nay, ta cũng phân-biệt: **BỒ CÔI**, là con mất cha, vì **BỒ** là chuyển âm tiếng **BỐ**; — **MỒ CÔI**, là con mất mẹ, vì tiếng **MỒ** là tiếng cải âm tiếng **MẸ**; **CON CÔI**, là con mất cả hai, như thế mới khúc-chiết, và phong-phú, mà ba tiếng **BỒ CÔI**, **MỒ CÔI**, **CON CÔI** không trùng nghĩa nữa.

Lại tiếng: **TỶ-DỤ**, **THÍ-DỤ**, **VÍ-DỤ**, thấy dùng không có qui - củ; người thì dùng **tỷ - dụ**, người thì dùng **thí - dụ**, người thì dùng cả hai trong một câu như: ô. ô. Trần-trọng-Kim, dùng tiếng **thí - dụ** trong quyển *Thi Việt* (Tân - Việt Sài-gòn xuất-bản 1949), trang 11 và 21; — Vũ-văn-Hiền, dùng **thí - dụ**, trong quyển *Tiền vàng và tiền giấy* (Vĩnh-bảo Sài-gòn xuất-bản 1949), trang 11, 12, 19; — Mộc-nghĩa, cũng dùng **thí - dụ** trong Tạp-chí *Dân Việt-Nam*, số 1, năm

1948, trang 12; — ô. ô. Hoàng-xuân-Hãn, lại dùng tiếng **ví-dụ** trong quyển *Lý-thường-Kiệt*, tập I (Sông-Nhì xuất-bản Hà-nội 1949), trang 27, 28; — Đào-duy-Anh, cũng dùng **ví-dụ** trong *Hán-Việt từ-điển*. Đến tiếng **tỷ-dụ**, thì ông Nghiêm Toàn có dùng trong tác-phẩm của ông: *Luận văn thị phạm* (Nhà Thế-giới xuất-bản 1950), trang 11, v. v. Ông Hồ-hữu-Tường dùng cả hai tiếng **thí-dụ** và **ví-dụ** trong quyển *Lịch-sử văn-chương Việt-Nam*, tập I (Nhà Lê Lợi Paris xuất-bản 1949), trang 34:

« 45 — ... **Thí-dụ**: Trung tâm điểm, siêu hình học, v. v.

« 46 — ... **Ví-dụ**: Xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội
« nhờ phân biệt ngữ pháp ấy mà trở được hai ý niệm khác
« nhau (*socialisme và doctrine sociale*).

Sự tinh-nghĩa tức là tìm một nghĩa cho mỗi tiếng để định rõ lúc nào dùng **thí-dụ**, lúc nào dùng **ví-dụ**, lúc nào dùng **tỷ-dụ**, cho được nhất-tri.

Đó là cách phải tìm, đặt, định, một nghĩa cho mỗi tiếng mà phải hợp-lý.

Xem thế đủ biết, sự tinh-nghĩa, vì phải thu-dụng hết những tiếng trùng nghĩa, như: **tỷ-dụ**, **thí-dụ**, **ví-dụ**, hay tất cả những tiếng bỏ sót, như: **tầu**, **ròng**, **dóng** để làm giàu cho Việt-ngữ mà lại làm cho Việt-ngữ được rõ-ràng, minh-bạch, khúc-chiết.

Có người hỏi: thế căn-cứ vào đâu mà tìm, đặt, định, những nghĩa đó và tiếng đó.

Xin thưa: Tuy nói không có sách, nhưng mách có chứng. Chứng đó là dân - chúng đã có dùng, như thế mới là hợp-lý. Như **nhanh trai**, đến nay các nhà mô-phạm viết là **nhanh chai**, vậy căn-cứ vào đâu mà viết **chai**; **đường-xá**, căn-cứ vào đâu mà viết **sá**; **mang xách**, căn-cứ vào đâu mà viết **X**?

Lại cãi: Đó là theo giọng và theo thói quen.

Xin thưa: Giọng nói nặng hay nhẹ, mềm hay cứng, đều là thói quen. Giọng nói đúng được càng hay, nhưng

viết phải thận-trọng, tức là phải cho có lý. Nhiều địa-phương, đọc chữ *L* ra *N*, và *N* ra *L*, sao không thấy sách nào viết “*Nằm sao ?*” hay “*Anh đi đường nào ?*”

Sự tinh-nghĩa là cốt làm cho tiếng nói được trong sáng bằng cách gạt, bỏ hết những tiếng đồng nghĩa, trùng nghĩa, cùng nghĩa làm tối nghĩa câu văn, mà lại thu-dụng hết những tiếng ấy bằng cách định cho mỗi tiếng một nghĩa để làm cho Việt-ngữ phong-phú.

* * *

Chính-tả duy-nhất, tinh-nghĩa nhất-tri, thì văn-tự ngôn-ngữ mới thống-nhất. Văn-tự ngôn-ngữ mà thống-nhất, thì nền nhất-thống quốc-gia không có một sức mạnh gì lay chuyển được.

Dân-tộc Trung-Hoa gồm bao nhiêu nước (đời thượng-cổ có đến 800 nước), dân-tộc Pháp hợp bởi nhiều giống người, chỉ vì văn-tự thống-nhất mà cố-kết được với nhau thành một khối hùng-mạnh và thịnh-vượng.

Đến người Do-Thái ngót 2000 năm, không có lãnh-thổ, chỉ vì giữ được ngôn-ngữ văn-tự “*hébreu*” mà vẫn liên-kết với nhau, không đến nỗi bị tiêu-diệt.

Một nhà văn-học đã nói : « *Văn-tự ngôn-ngữ là cái chìa khoá của sự tự-do* » và nước ta cũng có câu tục-ngữ : « *Người khôn thử tiếng, người ngoan thử nhời* », đủ rõ ngôn-ngữ văn-tự của một dân-tộc là biểu-hiệu trình-độ văn-minh của dân-tộc ấy.

Muốn chiếm địa-vị ưu-thắng trên trường quốc-tế, ta phải trau-giồi văn-tự ngôn-ngữ của ta cho được hoàn-bì. Tiếng Pháp được thế-giới ưu-đãi, thường dùng trong các văn-kiện quốc-tế, là vì tiếng Pháp phong-phú, lại rõ-ràng, khúc-chiết, mỗi tiếng có một nghĩa riêng, nên người Pháp vẫn tự-hào rằng tiếng Pháp không có một tiếng nào thực đồng nghĩa.

Tiếng Việt-Nam ta, không nghèo mà cũng không khó thống-nhứt, vì tuy Bắc-Trung-Nam nói có khác giọng, nhưng chóng hiểu nhau, không đến nỗi phân-biệt quá như những tiếng của các dân-tộc khác.

Chúng tôi thiết-tha mong rằng các nhà văn, các hội học và các cơ-quan văn-hoá tán-thành và xúc-tiến công-cuộc TINH-NGHĨA VIỆT-NGŨ và THỐNG-NHỨT VIỆT-NGŨ, thì thực là may cho tiền-đồ quốc-văn vậy.

Hà Nội, ngày 22-12-1950

Ý-kiến của mấy nhà văn, sau khi đọc bản - cáo

VIỆT - NGỮ TINH - NGHĨA TỪ - ĐIỀN

Của ông Đông-linh DƯƠNG PHƯƠNG-DỤC

Một vị kỳ-cựu trong làng văn Bắc-Việt

Nguyên bình-bút tạp-chí NAM-PHONG

Hà-dòng, ngày 17-11-1950

« Từ hôm ông Đ... giao cho bản VIỆT-NGỮ TINH-
« NGHĨA TỪ - ĐIỀN này, tôi phụng - độc ngay, rất lấy
« làm mừng rằng trong cơn núi sông tan-tác này vẫn có một
« bạn đồng-chí quyết lảng-lặng vun-vén vào công-cuộc xây-
« dựng cho cái lâu-đài quốc-văn nhà được ngày thêm đồ-sộ,
« duy-tân. Ấy chính là một việc hữu-ích.

« Việc ấy, phi là người có nhiệt-tâm với tiền-đồ quốc-
« văn, phi là người có thừa kiên-tâm, thừa nghị-lực, quyết
« không sao làm nổi.

« Trong tập VIỆT-NGỮ TINH-NGHĨA TỪ -
« ĐIỀN này tôi rất đồng ý với hết thảy mọi điều (...)

*
* * *

Của ông Mãn-khánh DƯƠNG KỶ

Giáo-sư Trung-học ở Huế

Tác-giả quyền VIỆT-SỬ KHẢO-LƯỢC

Ngày 14-7-1950

« Trước hết, tôi xin tán-thành việc tinh-nghĩa tiên-sinh
« đang làm. Tình-trạng lộn-xộn của Việt-ngữ, nếu kéo dài
« ra nữa thì thực là rất tổn-thương cho phong-thề nước nhà,
« tôi tưởng điều ấy tiên-sinh không nên nghi-ngờ nữa.
« Riêng tôi, vì làm nghề dạy học, nên càng thấy việc tinh-
« nghĩa Việt-ngữ là tối-cần, cái lỗi không tinh-nghĩa quốc-
« văn là món cơm bữa của học-sinh, kể cả học-sinh chuyên-
« khoa. Nhưng xét rộng ra báo-chương hiện giờ cũng còn
« hụp lặn » trong lỗi ấy (...)

VĂN - ĐỀ VIỆT - NGŨ

của nhà QUẢNG-VẠN-THÀNH

16, phố Bà Triệu, Hà-nội

xuất-bản lần đầu, in xong ngày 1-8-51
tại nhà - in **MAURICE**
— 24, Amiral Courbet, SAIGON —
ngoài 2.000 bản giấy thường, có
in riêng 12 bản giấy đẹp không bán.
Giấy phép số 287 / T X B, ngày 21-6-51
của Nha Thông-Tin T. T. N. V.

Bổ túc bản :

VIỆT-NGŨ TÌNH-NGHĨA TỬ-ĐIỂN

Long-điền Nguyễn Văn-Điền
sắp

Đây là một cuốn sách bổ túc ngữ pháp tiếng Việt, được biên soạn dựa trên những tài liệu quý báu của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam. Sách cung cấp những kiến thức cần thiết về ngữ pháp tiếng Việt, giúp người học nắm vững và vận dụng thành thạo trong giao tiếp và học tập. Sách được biên soạn một cách khoa học, dễ hiểu và dễ nhớ, phù hợp với trình độ của học sinh, sinh viên và những người yêu thích nghiên cứu ngôn ngữ.

Giá bán 10 đồng
— Trung Nam-Việt —

Sách (tái bản) :

TỬ-ĐIỂN VĂN-LIÊN

Long-điền Nguyễn Văn-Điền
sắp

Đây là một cuốn sách bổ túc ngữ pháp tiếng Việt, được biên soạn dựa trên những tài liệu quý báu của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam. Sách cung cấp những kiến thức cần thiết về ngữ pháp tiếng Việt, giúp người học nắm vững và vận dụng thành thạo trong giao tiếp và học tập. Sách được biên soạn một cách khoa học, dễ hiểu và dễ nhớ, phù hợp với trình độ của học sinh, sinh viên và những người yêu thích nghiên cứu ngôn ngữ.

Giá bán 10 đồng
— Trung Nam-Việt —

Giá bán 10 đồng
— Trung Nam-Việt —

Việt-Đã Việt-Đã

Đã có bán :

VIỆT-NGŨ TINH-NGHĨA TỪ-ĐIỂN

Long-diễn Nguyễn Văn-Minh
soạn

Một công-trình tinh-ngĩa đầu tiên ở nước ta, định nghĩa rõ-ràng những tiếng mà thường cho là đồng nghĩa, trùng nghĩa, cùng nghĩa, như : mồm, miệng ; lắm, nhiều ; đến, tới ; tỷ-dụ, ví-dụ, thí-dụ, v.v., kèm nhiều tỷ-dụ trích ở các danh-văn cò kìm. Sách dày 236 trang, khổ 15 x 22.

Giá bán lẻ ở Bắc-Việt 24 đồng
— Trung, Nam-Việt 27 —

Sắp tái-bản :

TỪ-ĐIỂN VĂN-LIỆU

Long-diễn Nguyễn Văn-Minh
soạn

Sách gom-góp nhiều tài-liệu về văn-chương Việt-Nam rất cần cho các bạn, nhất là học-sinh. Lần tái-bản này có sửa-chữa và thêm nhiều điển.

Tổng-phát-hành { Quảng-Vạn-Thành 16, Bà Triệu HANOI
Nhà xuất-bản Dân-Chủ 24, A. Courbet Saigon

Vấn-đề Việt-Ngữ

Giá bán lẻ trong nước :
8 đồng